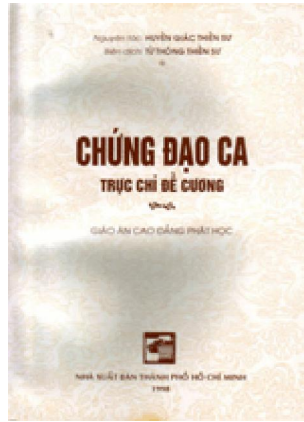


Chứng Đạo Ca
Trực Chỉ Đề Cương



Nguyên tác: **Huyền Giác Thiền Sư**
Biên dịch: **Từ Thông Thiền Sư**

Sài Gòn 1998 – 2543

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 7-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

TIỂU DẪN

THI CA 1 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO

THI CA 2 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ NHƠN PHÁP

THI CA 3 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO SỰ MÀU NHIỆM CỦA NHƯ
LAI THIỀN

THI CA 4 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ TỘI PHƯỚC VÀ THIỆN ÁC

THI CA 5 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ TÍNH TÂM VÔ NIỆM

THI CA 6 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO ẮNG XẢ PHÁP LÀ THÀNH
PHẬT

THI CA 7 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ LẬP TRƯỜNG VÀ LÝ
TƯỚNG CỦA MÌNH

THI CA 8 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO TÂM TÁNH LÀ NGỌC MA NI

THI CA 10 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO: NHỮNG PHÚT GIẤY TỰ
NHỦ

THI CA 11 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỚI DANH XUNG BÀN ĐẠO

THI CA 12 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ CHỨNG TÁNH VÀ CĂN CỐ

THI CA 13 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VẤN ĐỀ THỊ PHI

THI CA 14 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ SỰ HỦY BĂNG

THI CA 15 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO ĐỊNH TUỆ LÀ NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH QUẢ BỒ ĐỀ NIẾT BÀN

THI CA 16 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ CHÁNH PHÁP CỦA NHƯ LAI

THI CA 17 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO SANH TỬ BẤT TƯƠNG CAN

THI CA 18 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ ĐẠI THỪA THIỀN

THI CA 19 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ SINH TỬ

THI CA 20 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ THÚ VUI CỦA THIỀN GIẢ

THI CA 21 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO KHÔNG NÊN TRỤ PHÁP TU PHƯƠNG TIỆN

THI CA 22 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO NHÌN BAO QUÁT NĂM TRỌNG TÂM

THI CA 23 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỮNG CHÁNH NIỆM TRONG MỌI THỜI

THI CA 24 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO SỰ LÝ TƯƠNG HỒ

THI CA 26 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO ... NHẤT THIẾT DUY TÂM...

THI CA 27 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO CẢNH GIÁC VỀ Ý NIỆM CHẤP CỦA CHÍNH MÌNH

THI CA 28 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VẤN ĐỀ XẢ BỎ VÀ TÌM LẤY

THI CA 29 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO CHẾ TÂM NHỨT XỨ...

THI CA 30 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO BÁT NHÃ PHONG HỀ...

THI CA 31 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO TRUYỀN BẢ CHÁNH PHÁP LÀ MỘT NHIỆM VỤ CAO CẢ

THI CA 32 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ MỘT LÀ TẤT CẢ, TẤT CẢ LÀ MỘT

THI CA 33 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO PHÁP GIỚI NHẤT CHÂN

THI CA 34 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG

THI CA 35 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ KHÔNG ĐƯỢC MỚI LÀ ĐƯỢC TẤT CẢ

THI CA 36 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ TỰ TẠI BẤT TƯ NGHÌ

THI CA 37 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ TÂY THIỀN TỨ THẤT, ĐỒNG ĐỘ NHỊ TAM

THI CA 38 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO QUA VẤN ĐỀ CHÂN VỌNG HỮU VÔ

THI CA 39 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO TÂM PHÁP CĂN TRẦN

THI CA 40 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO NỖI ƯU TƯ VỀ PHÁP NHƯỢC MA CƯỜNG

THI CA 41 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO TÂM LÀ ĐỘNG CƠ TẠO NGHIỆP

THI CA 42 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VUI BẰNG CÁI VUI CỦA CHÍNH MÌNH

THI CA 43 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO CHÁNH GIÁO, TÀ GIÁO CÓ GIÁ TRỊ RIÊNG CỦA NÓ
THI CA 44 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO KHÔNG ĐEM PHÁP CỨU CẢNH DIỄN RA PHƯƠNG TIỆN
THI CA 45 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO ĐÚNG VÀ SAI CỦA TỤC ĐỀ KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ CHÂN THẬT
THI CA 46 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO GIÁ TRỊ CỦA TU SĨ LÀ HÀNH GIẢ KHÔNG LÀ HỌC GIẢ
THI CA 47 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO CHỨNG TÁNH TÀ, CĂN TÁNH HẠ LIỆT, KHÓ HỌC, HÀNH VÀ CHỨNG ĐẠO
THI CA 48 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO CĂN CẢNH SONG VONG LÀ PHẬT
THI CA 49 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO TỘI TÁNH BỒN KHÔNG. THIÊN NGAY CÔI DỤC
THI CA 50 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO THẬT TÁNH CỦA TỘI LÀ KHÔNG CÓ TÁNH GÌ
THI CA 51 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO TỘI TỪ TÂM KHỞI TỪ TÂM DIỆT
THI CA 52 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO CÔNG ĐỨC BỐ THÍ PHÁP VÔ GIÁ
THI CA 53 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO ĐỊA VỊ PHẬT LÀ ĐỊA VỊ MỘT PHÁP VƯƠNG KHÔNG LÀ ĐÁNG SIÊU NHIÊN, SIÊU NHÂN, TOÀN NĂNG
THI CA 54 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO BẢN NGUYÊN VẠN PHÁP MỘT THÈ NHẤT CHÂN
THI CA 55 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO CHÂN LÝ THÌ KHÔNG BAO GIỜ THAY ĐỔI
THI CA 56 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO GIÁO LÝ ĐẠI THỪA DÀNH CHO CĂN CỐ VÀ CHỨNG TÁNH ĐẠI THỪA
PHỤ LỤC THI CA

---o0o---

TIỂU DẪN

CHỨNG ĐẠO CA là tác phẩm thi ca được viết ra, nói lên trình độ nhận thức chân lý, khả năng thiền quán tư duy, sâu sắc của tác giả đối với chánh pháp liễu nghĩa thượng thừa của đạo Phật. Tác phẩm có năm mươi sáu thi ca, gồm hai trăm tám mươi tám câu. Mỗi thi ca là một "ngọn đèn pha" cực mạnh quét sạch hết những bóng đêm tà kiến. Mỗi câu là một làn gió nhẹ, vừa mát mẻ, vừa thổi tan những đám mây mù huyền hoặc, vu vơ, cho bầu trời chân lý hiển lộ lồng lộng, một màu trong xanh ngấn ngát.

Tư tưởng ở nội dung, ngữ ngôn văn tự qua hình thức đáng được tôn vinh là khúc ca CHỨNG ĐẠO của con người CHỨNG ĐẠO. Do vậy, tác phẩm

có cái nhan đề CHỨNG ĐẠO CA, thiết tưởng không phải là ngôn từ cường điệu.

Tác giả CHỨNG ĐẠO CA là Huyền Giác Thiền Sư. Sử sách Phật giáo Trung Hoa không nói nhiều về tông chi gia phả, chỉ nói Sư là con của gia đình họ Đới. Sinh vào năm 665 và mất năm 713 đời nhà Đường. Quê của Sư ở huyện Vĩnh Gia, xưa thuộc châu ÔN, nay là tỉnh Chiết Giang ở Trung Quốc. Sư xuất gia vào tuổi ấu niên, tư chất thông minh, ham tu hiếu học, đọc nhiều kinh điển Phật đến độ tinh thông. Những kinh điển thuộc hệ tư tưởng liễu nghĩa thượng thừa như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Đại Phương Quảng Viên Giác, Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Kinh Duy Ma Cật, Kinh Bát Nhã, Kinh Pháp Hoa, Kinh Niết Bàn... Sư vận dụng một cách vô cùng thông minh, tài tình và "lợi hại" trong việc "công phá" tà kiến ngoại lai, hiển dương chánh pháp Đại thừa, mở đường chỉ lối cho những ai chùng tánh Đại thừa muốn đi con đường "đại ngộ".

Bỉ nhân tôi, là một hậu học vô lậu quả văn, hữu duyên được nghiên ngẫm tác phẩm CHỨNG ĐẠO CA. Khi đọc tôi cảm nghe như thân tâm bay bổng ra khỏi hết mọi vướng mắc ở cõi đời, mà từ lâu mình lằm lạc, tự trói thân để chịu cực nhọc, tự quản thúc tâm để ưu tư, sợ hãi triền miên. Tâm đắc sâu đậm, sung sướng tràn dâng, tôi phấn đấu vượt trở ngại: "mặt mờ". Thị lực yếu, tôi vẫn quyết chí dịch tác phẩm CHỨNG ĐẠO CA từ Hán văn ra Việt văn bằng thể văn có âm điệu và tiết tấu để đọc cho dễ nhớ. Rồi sau đó, viết phần TRỰC CHỈ để bình thêm...

CHỨNG ĐẠO CA là một tác phẩm văn học của Phật giáo Trung Hoa và cả Phật giáo Việt Nam nữa.

CHỨNG ĐẠO CA là một giáo án, tôi soạn để giảng cho Tăng Ni sinh các trường, lớp Cao Đẳng Nội Minh.

CHỨNG ĐẠO CA là tiếng sấm long trời để đánh thức những ai mệnh danh là đệ tử Phật mà mãi li bì, ngủ say sưa trong mộng mị mê tín, hoang đường.

CHỨNG ĐẠO CA là ngọn đuốc thiêng bắt diệt dành cho những chùng tánh Đại thừa tiến bước trên lộ trình đại ngộ.

**Viết tại THAO HỐI AM.
Ngày Rằm tháng 7 năm Đinh Sửu
(1997 – 2541)**

Dịch giả
Cần bút

---o0o---

THI CA 1 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHÚNG ĐẠO

Phiên âm:

QUÂN BÁT KIẾN!

Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân
Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân
Vô minh thực tánh tức Phật tánh
Ảo hóa không thân tức pháp thân
Pháp thân giác liễu vô nhất vật
Bản nguyên tự tánh thiên chân Phật
Ngũ uân phù hư không khứ lai
Tam độc thủy bào hư xuất một

Dịch nghĩa:

Ai có biết !

*Bậc tuyệt học vô vi nhàn đạo
Vọng không trừ, tưởng chẳng cầu chân
Tánh của vô minh và Phật tánh không hai
Phật Tánh ấy! Chính là thật tánh của Vô Minh đây!*
** Thân ảo hóa với Pháp thân cũng vậy
Ảo hóa thân là hiện tượng của Pháp thân
Biển Pháp thân ví: bản thể vô cùng
Thân ảo hóa tựa sóng mòi lao xao trên mặt nước
* Nhận thức rõ hai thân pháp hóa (1)
Chợt tỉnh ra rằng: "vạn pháp giai không"
Tánh thiên chân là thật tánh của mình
Mình là Phật vốn là thiên chân Phật
* Thân ngũ uân chỉ là phù vân tụ tán
Hợp rồi tan trong vũ trụ bao la
Sự diệt sanh, sanh diệt vô cùng
Nó hiện hữu với thời gian vô tận
* Gọi tam độc thực tánh không hề độc*

*Vì như bọt bèo, sanh diệt huyễn hư
Hễ u mê thì tam độc hoành hành
Bằng tỉnh thức, không sao tìm được chúng.*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Đi con đường Đạo, thường phải qua ba giai đoạn. "Học đạo", Hành đạo" và "Chứng đạo". Đến giai đoạn CHỨNG ĐẠO, được gọi là con người "nhàn đạo". Người "nhàn đạo" là người đã vượt qua giai đoạn "học đạo" và "hành đạo". Vì vậy, người "chứng đạo" còn được gọi là người TUYỆT HỌC, là người đạt đến VÔ VI, cho nên bậc TUYỆT HỌC, VÔ VI, NHÀN ĐẠO tức là con người CHỨNG ĐẠO.

Cái thấy của người chứng đạo, không thấy qua cái thấy của nhục nhãn bình thường mà thấy bằng "Tuệ nhãn". Về "cái thấy", giáo lý đạo Phật dạy có năm cách nhìn thấy khác nhau. Dựa trên thành quả tu chứng mà cái thấy của người học đạo, hành đạo và chứng đạo đối với hiện tượng vạn hữu chia thành năm cách thấy: Cái thấy qua "nhục nhãn". Cái thấy qua "thiên nhãn". Cái thấy qua "pháp nhãn". Cái thấy qua "tuệ nhãn". Cái thấy qua "Phật nhãn". Cái thấy qua "nhục nhãn" là cái thấy "tâm thường". Cái thấy qua "thiên nhãn" là cái thấy "bình thường". Cái thấy qua "pháp nhãn" là cái thấy của người "đạt đạo", của hàng Tiểu thừa THANH VĂN, DUYÊN GIÁC. Cái thấy qua "Tuệ nhãn" là cái thấy của người CHỨNG ĐẠO, cái thấy của căn cơ Đại thừa, của Bồ tát trên đoạn đường gần đến VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC của "Phật nhãn".

Người CHỨNG ĐẠO, nhìn thấy thấu triệt bản chất căn nguyên của vạn pháp. Nói cách khác, người chứng đạo nhìn hiện tượng vạn pháp họ thấy được cái "thực tướng" của vạn pháp. Họ biết rất kỹ rằng cái tướng thực của vạn pháp là "không có gì". Tất cả chỉ là duyên sanh, mà duyên sanh thì như huyễn, không thật có.

Qua cái thấy của con người chứng đạo, "vọng tưởng" đã là vọng thì còn quan tâm, còn mơ tưởng, còn kết giao, gá nghĩa với nó được sao? Biết nó vọng thì mình đã "không vọng". Không vọng là đã tự "chơn" rồi. Do vậy, "vọng" không phải "trừ", "chơn" không cầu, không cần "mơ ước" mà tự có.

Nước trong, trăng hiện, mây tan, trời hiện, phiền não vô minh hết, Phật tánh hiện. Trăng vốn sẵn có trong lúc nước ao hồ vẫn đục. Phật tánh thanh

tịnh vốn có trong lúc con người biểu lộ đầy những phiền não vô minh đau khổ. Giác là Phật, mê là tục tử phàm phu.

"Không trừ vọng tưởng, chẳng cầu chân".

"Thật tánh của vô minh là Phật tánh".

Kinh điển Phật thường đề cập "Tam thân" của con người chứng đạo. Pháp thân là cái bản thể châu biến. Về thời gian xuyên suốt quá khứ, hiện tại và vị lai. Về không gian khắp cùng đông, tây, nam, bắc, tứ duy, thượng hạ. Từ Pháp thân đó, duyên sanh ra các hiện tượng vạn hữu. Ảo hóa thân là một hiện tượng trong vô vàn hiện tượng "duyên sanh". Vì thế cho nên ảo hóa thân không ngoài Pháp thân. Từ nơi Pháp thân duyên khởi sanh ra ảo hóa thân. Ảo hóa thân và Pháp thân, không phải LÀ mà không phải KHÔNG LÀ. Đó là chân lý "Bất tức, bất ly", trung đạo. Bảo rằng: lu, hũ, chum, ché, không phải đất. Đúng, nhưng không đúng trọn vẹn. Bảo rằng: lu, hũ, chum, ché là đất. Đúng, nhưng cũng không đúng trọn vẹn. Mà phải hiểu rằng: lu, hũ, chum, ché không "là" đất nhưng chúng không ngoài đất. Đất không phải là lu, hũ, chum, ché, nhưng ngoài đất không làm sao có lu, hũ, chum, ché.

Người biết học đạo, hành đạo theo chánh pháp, không xem kinh thân ảo hóa, vì biết rằng thân ảo hóa là diệu dụng duyên khởi của Pháp thân. Thân ảo hóa và Pháp thân "bất tức mà bất ly" như đồ gốm và đất sét của đại địa mệnh mông kia vậy.

"Ảo hóa không thân tức Pháp thân"

Nhận rõ và thực chứng được bản thể thanh tịnh châu biến, chuyên sanh màu nhiệm của Pháp thân, bấy giờ chợt tỉnh và thấy rằng tất cả hiện tượng vạn hữu có cùng một bản thể chung cùng, chỉ do nhân duyên không đồng mà có sự sai khác. Dù hiện tượng vạn hữu có ngàn sai muôn khác nhưng cái thấy của người chứng đạo: Tất cả cùng một thể thanh tịnh không hề có sự vật này là nguyên nhân, gây đau khổ cho sự vật nọ.

"Pháp thân giác liễu vô nhất vật".

"Vô nhất vật" là do "người chứng đạo" sử dụng tuệ nhãn, nhìn vạn pháp bên mặt Tổng. Thấy có nhiều "vạn vật" tại vì dùng nhục nhãn nhìn vạn pháp bên mặt Dị Biệt duyên sanh của nó.

Từ nhận thức đó, người chứng đạo thấy rằng: "duyên sanh" vạn pháp "vô tình" cũng như "duyên sanh" vạn loại "hữu tình", cùng có chung một "bản nguyên", một cội nguồn thanh tịnh là "Thiên chân Phật".

*"Ngũ uẩn phù hư không khứ lai
Tam độc thủy bào hư xuất một".*

Dưới con mắt của người chứng đạo, thân con người kết hợp bởi ngũ uẩn, duyên sanh. Vì duyên sanh cho nên thân của phàm nhân hay thân của thánh đức đều chung một dạng "phù hư". Vì là "phù hư" cho nên nó sanh diệt, khứ lai, tụ tán. Cái điểm ưu việt khác hơn người của con người chứng đạo là họ thấy rõ và biết kỹ rằng phù vân dù có sanh diệt, khứ lai, tụ tán nhưng nó không bao giờ mất mà nó vĩnh cửu khứ lai, sanh diệt, tụ tán trong bầu hư không vốn dĩ bất sanh bất diệt. Dưới cái nhìn của người chứng đạo, vấn đề sanh tử chỉ là chuyện tầm thường như vô vàn sự vật diệt sanh tan hợp khứ lai bình thường khác.

Tham, sân, si, nhà Phật gọi chúng là "Tam độc". Vì tánh tác hại của chúng gây cho loài người không sao kể hết những biến chứng khổ đau cùng cực do chúng gây ra. Nhưng bình tâm mà nói. Vận dụng tuệ nhãn mà nhìn thì "tam độc" không có thực tánh. Tam độc cũng có thể xuất hiện khiến cho con người khổ đau cùng cực. Tam độc cũng có thể biến mất không để lại một bóng dáng, một dấu vết xấu xa nào. Tam độc có hay không có tùy thuộc ở con người MÊ hay GIÁC. Thực chất của tam độc là không có chất. Chúng như những bong bóng nổi chìm sanh diệt của những cơn sóng vỗ mặt ghềnh! Hiểu rõ chân lý đó, đối với sự tử sanh, sanh diệt của tự thân cũng như của hiện tượng vạn pháp, người chứng đạo thấy bằng cái thấy bình tĩnh, an nhiên, không có gì phải lo âu, phải sợ hãi. Chẳng những thế, người chứng đạo còn thấy biết rõ: Khi mình sanh ra từ đâu và đến và lúc chết sẽ đi về đâu!

---o0o---

THI CA 2 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ NHƠN PHÁP

Phiên âm:

Chứng thực tướng vô nhơn pháp
Sát na diệt khước a tỳ nghiệp
Nhược tương vọng ngữ cuồng chúng sanh
Tự chiêu bạt thiết trần sa kiếp

Dịch nghĩa:

*Chúng "thật tướng" thấy rõ cõi đời "vô tướng"
VÔ TƯỚNG đồng với "vạn pháp giai không"
Tướng "PHÁP", "NHON" mà còn chẳng có gì!
A tỳ nghiệp vì gì mà hiện hữu
Đây lẽ thật, đây lời nói thật
Nói cho mình và hy vọng đến với ai kia
Không có ý chi dối gạt phỉnh phờ
Được phép thế! Dù thề độc cũng xin cam nhận*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Người chứng đạo quán triệt thật tướng của vạn pháp là vô tướng, người ta sẽ không còn chấp NHON và PHÁP. Do diệt bỏ ý niệm chấp mà tâm hồn thanh thoát khinh an đến độ tự tại NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG. Vì vậy, cái gọi là nghiệp A tỳ nếu có, cũng tự hóa giải tiêu dung. Đó là sự thật mà đạo lý có thể chứng minh.

Nghiệp A tỳ nếu có, nó phát nguyên từ ý niệm chấp mắc. Chấp nhon và chấp pháp là hai đối tượng chấp, nó sanh ra vô vàn đau khổ và là nguyên nhân đau khổ. Tám mươi bốn ngàn trần lao phiền não đều do hai thứ chấp VÔ NHON mà ra. Thấy biết rõ tánh chất VÔ NHON, VÔ PHÁP thì diệt hết khổ nạn A tỳ trong sát na là chân lý đương nhiên vậy.

Người học Phật, tu Phật không được THỀ. Vì thiết tha với chân lý, vì muốn truyền trao chánh pháp trong sáng cho mọi người con Phật, tác giả CHÚNG ĐẠO CA, phải thốt ra lời: như cam kết, như tự THỀ để nói lên nỗi lòng thành thật và tha thiết đối với chánh pháp.

"Được phép thế, dù thề độc cũng xin cam nhận".

---o0o---

THI CA 3 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO SỰ MÀU NHIỆM CỦA NHƯ LAI THIỀN

Phiên âm:

Bốn giác liễu Như Lai thiền
Lục độ vạn hạnh thể trung viên
Mộng lý minh minh hữu lục thú
Giác hậu không không vô đại thiên

Dịch nghĩa:

*Thoắt chứng nhập NHƯ LAI thiền định
Vạn hạnh tròn mà lục độ cũng châu viên
Còn mộng mơ, thấy có sáu nẻo luân hồi
Khi tỉnh thức, cõi Ta bà tìm không ra dấu vết*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Người tu hành, đến một lúc nào đó có thể chợt tỉnh thức và khi tỉnh thức người ta có khả năng thể nhập, đi sâu vào Như Lai Thiền. Như Lai Thiền là thứ Thiền chỉ khi nào đền địa vị Như Lai mới có. Thể nhập Như Lai Thiền đối với vạn pháp không cần tu mà vạn hạnh tự nhiên đã sẵn đủ. Thể nhập Như Lai Thiền với lục độ không cần hành mà hành một cách viên mãn rồi. Bởi vì Như Lai Thiền là thứ Thiền viên mãn và siêu viên mãn nữa.

Vậy NHƯ LAI THIỀN là THIỀN như thế nào?

Đáp: Như Lai Thiền là Thiền không cần ngồi, vì nó vượt cái cần thiết ngồi. Như Lai Thiền không cần định tâm vắng lặng, vì nó vượt ngoài cái cần thiết định tâm vắng lặng. Như Lai Thiền là thứ Thiền không cần gia công dụng ý để thiền, mà thiền trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi và thiền ở mọi nơi chốn, ở mọi thời gian. Như Lai Thiền là kết quả, là THIỀN RỒI tất cả tám muôn bốn ngàn thứ thiền khác. Cho nên tỉnh thức và thể nhập Như Lai Thiền thì không đức tốt, hạnh lành nào là không viên mãn.

Thành quả của Như Lai Thiền được đúc kết qua các tiêu chuẩn như sau:

1. Thân vô thất

2. Khẩu vô thất
3. Ý vô thất
4. Nhất thiết thân nghiệp tùy trí tuệ hành
5. Nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí tuệ hành
6. Nhất thiết ý nghiệp tùy trí tuệ hành
7. Trí tuệ tri quá khứ vô ngại
8. Trí tuệ tri hiện tại vô ngại
9. Trí tuệ tri vị lai vô ngại
10. Vô dị tướng
11. Vô bất định tâm
12. Vô bất tri. Tri hỉ xả
13. Dục vô giảm
14. Niệm vô giảm
15. Định vô giảm
16. Tinh tấn vô giảm
17. Giải thoát vô giảm
18. Giải thoát tri kiến vô giảm

Có ngàn ấy tiêu chuẩn thì những đức tốt, hạnh lành trên cõi đời này có cái thứ nào mà còn thiếu! "Lục độ vạn hạnh thể trung viên", đối với con người "Đốn giác liễu Như Lai Thiên" hẳn không phải là thứ danh ngôn cường điệu.

Người đệ tử Phật có học Phật thật, có ham tu thật và có hiểu kỹ về Phật, người ta không thêm sợ sáu nẻo luân hồi như là: cảnh giới địa ngục, cảnh giới ngạ quỷ, cảnh giới súc sanh, cảnh giới người, cảnh giới A-tu-la và cảnh giới trời ở ngoại cảnh. Mà người ta chỉ quan tâm "Lục Thú" ở nội tâm. Lục thú ở nội tâm nó trực tiếp tác động hoành hành cuộc sống hiện tại của con người. Đó mới là đáng lo sợ.

Không sợ sự luân hồi của lục thú nội tâm mà chỉ lo sợ cho sự luân hồi lục thú ở kiếp tương lai thì quả là con người giàu tưởng tượng! "Chẳng khác chi người chưa làm giàu mà sợ ăn cướp. Chưa ăn cướp mà lo sợ ở tù!".

Vấn đề "đại thiên thế giới, cõi Ta bà" có hay không? Vấn đề "Tây phương Cực lạc" không hay có? Đó là vấn đề người học Phật phải quán triệt sâu sắc.

Y cứ nền giáo lý liễu nghĩa thượng thừa và sử dụng tuệ nhãn mà nhìn vũ trụ vạn hữu trong pháp giới mười phương, thì pháp giới chỉ có một. Pháp

giới "nhất chân" không có hai, không có pháp giới nào khác với pháp giới nào. Pháp giới có cùng một bản thể "chân như" y nhau. Vì "chân" cho nên không thể tiêu hoại cho mất đi. Vì "như" cho nên không tăng bổ cho thêm nhiều. Vì "chân như" cho nên mười phương pháp giới đồng một thể: Bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Qua cái thấy của tuệ nhãn, chỉ nói tuệ nhãn của người chứng tánh Đại thừa thôi, pháp giới đã là "nhất chân" rồi. Do nghĩa đó, người chứng đạo thấy rõ ràng.

*"Còn mộng mê, thấy có sáu nẻo luân hồi
Khi tỉnh thức, cõi Ta bà tìm không ra dấu vết".*

Người đệ tử Phật có chánh niệm, có tư duy, có quán chiếu nội tâm sẽ thấy rõ cái chân lý đó.

Kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy:

*"Nếu ai muốn biết rõ
Mười phương Phật ba đời
Nên quán chiếu thể tánh của Pháp giới
Hết thấy do tâm mình kiến lập"*

Do vậy:

*"... Còn mộng mê, thấy có sáu nẻo luân hồi
Khi tỉnh thức, cõi Ta bà tìm không ra dấu vết".*

---o0o---

THI CA 4 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ TỘI PHƯỚC VÀ THIỆN ÁC

Phiên âm:

Vô tội phước, vô tôn ích
Tịch diệt tánh trung mạc vấn mịch
Tỉ lai trần kính vị tăng ma
Kim nhật phân minh tu phũ tích

Dịch nghĩa:

+ Tội là chi, phước lại là chi?

*Đa mang chi hai gánh nặng như chì!
Ai bắt tội? Ai là người chịu tội?
+ Thiện là chi, ác cũng lại là chi?
Sợ làm chi hai danh tự vô nghi!
Sợ cái đáng sợ! Lương tâm tự hành hạ lấy.
+ Gương lòng sáng, xưa nay ta vốn có
Mặc cho bụi mờ vĩnh viễn chẳng quan tâm
Ngày hôm nay, có cơ hội lau chùi
Sáng soi thấy, "phước" và "tội" không ai ban ai phạt!*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Nền giáo lý Phật nhằm đào tạo cho con người đức tánh tự tôn. Cái nhân bản của con người là tối tôn và hoàn toàn trong sáng. Con người hãy phát huy đức tánh vốn có ấy để mà sống một cách tự tin ở khả năng, ở nơi nhân bản cao đẹp vốn có của mình.

Người đệ tử Phật không tôn trọng ai khác, ngoài nhân bản thanh cao trong sáng, mà tác giả Chứng Đạo Ca gọi cái đó là "Bản nguyên tự tánh thiên chân Phật" của chính con người. Vì vậy, người đệ tử Phật, học Phật, tu theo đạo Phật không được sợ bất cứ một thế lực "linh thiêng", một sức mạnh vô hình hay một đấng thưởng phạt siêu nhiên nào đó, như một số người nhe dạ dễ tin thường sợ. Người theo đạo Phật chỉ sợ nhân quả. Tâm não của con người là "căn cứ địa" phát xuất và biểu hiện ra "nghiệp nhân" THIÊN hay ÁC. Chữ "nghiệp" trong đạo Phật chỉ sự hành động của THÂN của KHẨU của Ý được biểu hiện cụ thể. Gieo nghiệp nhân THIÊN sẽ □□#7863;t hái trái ngon, tốt lành. Gieo nghiệp nhân BÁT THIÊN cũng sẽ được thu hoạch trái không ngon, cay đắng... Nhân thế nào quả thế ấy, như bóng theo hình. Chung qui lại, do TÂM làm chủ hết. Tạo nghiệp nhân thiện hay ác, sẽ tự nhận lấy quả khổ hay vui. Hễ nhận lấy quả khổ thì người ta cho là do mắc TỘI. Nếu nhận lấy quả vui thì người ta cho là được PHƯỚC. TỘI hay PHƯỚC rõ ràng chỉ là kết quả của con người gieo nhân THIÊN hay ÁC ở thời gian trước đó mà thôi.

Đúng chân lý mà nói thì không ai là người có quyền ban cho và không ai là người phải chịu tội với ai cả.

Lập trường bình đẳng của đạo Phật, biểu hiện cụ thể qua tính "bình đẳng về nhân bản của mọi con người".

"Sáng soi thấy: TỘI, PHƯỚC không ai ban và ai phạt".

---o0o---

THI CA 5 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ TÍNH TÂM VÔ NIỆM

Phiên âm:

Thùy vô niệm? Thùy vô sanh?
Nhược thực vô sanh vô bất sanh
Hoán thủ cơ quan mộc nhân vấn
Cầu Phật thi công tạo vãn thành

Dịch nghĩa:

* Ai là người thường ước mơ vô niệm
Ai là người hằng mong đạt đến vô sanh
Vô niệm vô sanh là ước mơ cuồng vọng hảo huyền
Rất oan uổng! Hóa đá một kiếp người tràn đầy linh động.
* Để trải nghiệm, xin hỏi, "ông Robot" người máy
Quả Bồ đề! Bao năm tháng nữa, ông thành?
Hỏi là hỏi vậy thôi, hỏi tức trả lời
Ai can đảm, đủ sức chờ "ông" giải đáp.

---o0o---

TRỰC CHỈ

Tu đạo Phật, rất cần CHÁNH NIỆM mà không cần VÔ NIỆM. Có thể nói: Có chánh niệm là có tất cả đức tốt, hạnh lành. Có chánh niệm rất dễ thành công trên tám nẻo đường "bát chánh". Suốt cuộc đời hóa đạo chúng sanh, đức Phật không lúc nào rời chánh niệm. Chánh niệm nuôi lớn ngũ căn, chánh niệm phát triển ngũ lực, chánh niệm gìn giữ thất thánh tài, chánh niệm trưởng dưỡng thất giác chi. Chánh niệm cũng là chất liệu bổ dưỡng để tưới tẩm, để đượm nhuần cho quá trình phát triển của 18 pháp bất cộng của Như Lai Phật.

Tu Phật mà mong cầu VÔ NIỆM là tu sai. Vô niệm thì còn ai để biết, để tư duy chân lý và những gì phi chân lý!

Tu mà cầu được vô sanh cũng là lỗi tu sai lạc. Trên cõi đời, có cái gì không biến chuyển vận hành sinh diệt? Đá gỗ còn không ra ngoài vòng vận động vô thường "hằng chuyển" sát na sanh diệt, huống hồ là một hữu tình "tối linh ư vạn vật"!

Mong trở thành người VÔ NIỆM, cầu được chứng đắc VÔ SANH là ý tưởng cuồng vọng sai lầm và không có ngày hiện thực. Giả sử cái ngày hiện thực đến, con người VÔ NIỆM VÔ SANH "tê" hơn loài khoáng vật, thực vật vô tình... Con người hữu tình, vốn có tri giác lại trở thành người máy có "cơ quan" điều khiển vậy thôi sao?

Việc làm của người tu hành, tương tự như việc làm của người huấn luyện khí. Người huấn luyện khí có tài là "thuần hóa" được khí, dạy khí làm trò, làm xiếc... theo ý muốn của mình. Chứ huấn luyện khí làm cho "óc khí" trở thành chứng bệnh phân liệt, không còn hoạt động được gì, đó không phải là cách huấn luyện khí của người có tài, có trí.

Tu hành cần có những giờ phút "tĩnh tâm" nhưng tĩnh tâm, không được hiểu đó là những phút giây VÔ NIỆM.

VÔ SANH là một ý niệm mà người tu Phật phải từ bỏ dứt khoát. Vô sanh đồng nghĩa với "đoạn diệt". Tự mình làm cho mình "rớt" vào hàng ngũ của ngoại đạo "đoạn kiến" là cách tu sai lạc, đáng thương!

---o0o---

THI CA 6 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO Ả NGÃ XẢ PHÁP LÀ THÀNH PHẬT

Phiên âm:

Phóng tứ đại mạc bả tróc
Tịch diệt tánh trung tùy âm trác
Chư hạnh vô thường nhất thiết không
Tức Thị Như Lai Đại Viên Giác

Dịch nghĩa:

** Thân tứ đại đùng sanh tâm chấp đả
Quay trở về thể vắng lặng của chính mình
Đói thì ăn, khát uống ngại ngùng chi?
Gọi là Ngã thể, vẫn hư thì đời còn chi thật
* Các hành pháp luật vô thường chi phối hết
Tuệ nhãn nhìn, đương thể tức không
Hiểu sâu xa, quán chiếu tận nguồn chân
Tánh của vạn pháp, là NHƯ LAI VIÊN GIÁC*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Thân tứ đại là thân kết hợp bởi bốn chất: địa, thủy, hỏa, phong. Nó là cái thân bị lệ thuộc chi phối bởi luật vô thường như vạn vật hiện tượng khác. Nó còn là cái kết quả của khổ và bất an nhiều mặt. Kinh điển thường ví sự tạm bợ mong manh vô chủ của nó qua từ "huyễn thân". Ấy thế mà ở đời không có mấy ai thấy được tánh chất huyễn của nó. Trái lại người ra rất quý trọng nó hơn bất cứ thứ gì trên cõi đời. Điều đáng nói là vì nó mà tạo nghiệp bất thiện, trong suốt cuộc đời để phục dịch vun bồi cho nó không có phút giây nhàm chán. Ý niệm đam mê luyến ái nặng nề về thân, kinh điển gọi đó là "chấp ngã", tức là quá tôn tọng cái thân. Rồi vì thân mà tạo ác nghiệp, vì thân mà chịu khổ...

*"Thân tứ đại đùng sanh tâm chấp mắc
Quay trở về thể vắng lặng của chính mình
Đói thì ăn, khát uống ngại ngùng chi
Gọi là "ngã thể" vẫn hư, thì đời còn chi thật.*

"Phóng tứ đại" con người sẽ nhẹ nhàng, sẽ có an lạc trong cuộc sống, vì con người vốn có tánh vắng lặng, thanh tịnh, trong sáng, có thể thọ dụng nó từ đời này sang đời khác vĩnh viễn không có cạn kiệt.

Nhận thấy được tánh chất "ngã không" thì "pháp không" không còn là vấn đề khó biết nữa. Chủ thể nhận thức đã là vô thường, vô ngã, khổ, bất tịnh và không, thì đối tượng nhận thức cũng không vượt qua ngoài sự chi phối đó! Cho nên người đạt đạo sẽ nhận thấy rõ:

"Chư hạnh vô thường nhất thiết không".

Thấy được tánh "giai không" của vạn pháp, thấy được tánh vô thường của hành pháp, thì cái NĂNG TRI và SỞ TRI đó trở thành một bầu vũ trụ NHƯ LAI VIÊN GIÁC nhiệm mầu. Lúc bấy giờ:

*Ta không cầu thành Phật
Phật cũng chẳng cầu thành ta
Ta là Phật
Phật là ta.*

---o0o---

THI CA 7 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ LẬP TRƯỜNG VÀ LÝ TƯỞNG CỦA MÌNH

Phiên âm:

Quyết định thuyết, biểu chân tăng
Hữu nhơn bất khăng nhiệm tình trung
Trực triệt căn nguyên Phật sở ẩn
Trích điệp tâm chi ngã bất năng!

Dịch nghĩa:

** Nếu được nói, tôi lập trường thẳng thẳng
Để tỏ ra, lời của một chân tăng
Huynh đệ nghe, nghịch ý chẳng chung lòng
Gay gắt trách, tôi xin cam nhận hết
* Tôi không thích ba hoa vật vãnh
Thích học điều, Phật tổ đã đình ninh
Diễn rõ căn nguyên "liễu nghĩa thượng thừa"
Không được vậy, tôi không còn gì để nói*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Quyết định thuyết là lời nói có lập trường, có trách nhiệm, nhằm bảo vệ mục đích và lý tưởng của mình. Lý tưởng của tác giả là chánh pháp liễu nghĩa thượng thừa của Phật tổ đã đình ninh dặn dò khuyên dạy. Lập trường của tác giả là "nói thẳng, nói thật". Nói để diễn đạt chân lý, truyền bá chân lý liễu nghĩa thượng thừa cho mọi người con Phật cùng học hỏi, tiếp thu để

hành đạo và chứng đạo. Không nói "vuốt đuôi". Không nói để "chiếm cảm tình". Không nói kiểu "thỏa hiệp". Không nói kiểu "phương tiện"... để rồi người nghe không được tí nào lợi ích.

Học chánh pháp, hành chánh pháp, sống theo chánh pháp và truyền bá chánh pháp không thể sử dụng các kiểu nói tầm thường vừa kể. Để bảo đảm giá trị lời nói của một "chân tăng", một vị thầy đúng danh nghĩa của đệ tử mình, lời nói phải có lập trường, phải phục vụ cho một lý tưởng giải thoát, giác ngộ tuyệt vời cao đẹp.

Một chân tăng, theo tác giả Chứng Đạo Ca, sẵn sàng chấp nhận cô đơn, chấp nhận sự công kích, sự thóa mạ... của mọi người. Hoặc sẵn sàng "không nói gì hết". Bao nhiêu ngôn ngữ nhường hết cho...

---o0o---

THI CA 8 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO TÂM TÁNH LÀ NGỌC MA NI

Phiên âm:

Ma Ni Châu, nhân bất thức
Như Lai tàng lý thân thâm đắc
Lục ban thần dụng không bất không
Nhất hỏa viên quang sắc phi sắc

Dịch nghĩa:

* Tâm trong sáng người người ai cũng có
Nó là Ma Ni là Như Ý bảo Châu (1)
Chẳng mấy ai, biết rõ cái tâm này
Nó mâu nhiệm, thu gọn cả Như Lai tàng tánh (2)
* Sáu thần dụng, thấy sắc mà phi sắc (3)
Một viên quang, rỗng không nhưng lại phi không (4)
Nghĩa sắc không, mâu nhiệm vô cùng
Chứng "thật tướng", mỗi nghi này mới mở hết.

---o0o---

TRỰC CHỈ

Con người ai cũng có Chân Tâm. Tự thể chân tâm vốn trong sáng, thanh tịnh, vắng lặng, nhiệm màu. Trong Chân Tâm không có một gợn phiền não khổ đau, bất mãn, bất bình. Cũng không có ý niệm ta, người, thương, ghét, thân, sơ... Kinh điển Phật thường ví Chân Tâm ấy như Ngọc Ma Ni.

Ai cũng sẵn có ngọc Ma Ni mà không biết mình có ngọc Ma Ni quý báu ấy. Ngọc Ma Ni vô giá trong người mà không phát hiện để sử dụng cái công dụng NHƯ Ý của ngọc. Có ngọc Như Ý, con người sẽ không còn gì để "thiếu". Phát hiện ngọc Như Ý, sử dụng ngọc Như Ý, nhìn vạn pháp bằng "Phật nhãn" cho nên:

*"Sáu thân dụng thấy sắc mà phi sắc
Một viên quang, rằng không nhưng lại phi không"*

Vì, người phát hiện ngọc Như Ý, sử dụng ngọc Như Ý là người chứng thật tướng của vạn pháp rồi.

*"... Chứng thật tướng vô nhơn pháp
Sát na diệt khước A tỳ nghiệp"...*

---o0o---

THI CA 9 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO MÔI TRƯỜNG QUAN CỦA NGŨ NHÃN VÀ NGŨ LỰC

Phiên âm:

Tịnh ngũ nhãn, đắc ngũ lực
Duy chứng nãi tri nan khả trắc
Kính lý khán hình kiến bất nan
Thủy trung tróc nguyệt tranh niêm đắc

Dịch nghĩa:

Tịnh ngũ nhãn, sẽ kéo thêm ngũ lực
Chung môi trường mới biết được diệu dụng kia
Rủ giành trăng, đáy nước... chuyện còn khuya!
Đứng trước kính, ngắm thân hình là việc dễ!

---o0o---

TRỰC CHỈ

Giáo lý đạo Phật dạy rằng, con người có khả năng và quyền sử dụng "ngũ nhân". "Khả năng" và "quyền" thì mọi người đều có quyền thừa hưởng, sử dụng bình đẳng. Tuy nhiên, đây là thứ bình đẳng có điều kiện. Mọi người phải cùng ở "môi trường TU" thì mới cùng được ở trong "môi trường CHÚNG".

"Tĩnh ngũ nhân" là người đạt đến giai đoạn CHÚNG. Ngũ nhân đạt đến giai đoạn CHÚNG ĐẮC THANH TỊNH thì chỉ có người tự chứng tự biết. Người khác môi trường nói và kể cho họ bảo kể cho nghe, chẳng khác "Rủ nhau giành trăng ở đáy nước" hy vọng gì người khác môi trường bảo họ hiểu hoàn cảnh của riêng mình. Phải cùng đứng trong vườn LAN HUỆ mới cùng thưởng thức được mùi hoa Lan Huệ. Phải cùng đứng nơi chợ cá ươn mới thấm thía "hương vị" của chợ bán cá ươn.

Vì vậy, TỊNH NGŨ NHÂN, ĐẮC NGŨ LỰC là việc có thực, nhưng diễn đạt cảnh giới thanh tịnh của "ngũ nhân" của mình cho người khác nghe biết là điều không dễ. Bảo người khác phải nghe và phải hiểu về cảnh giới CHÚNG ĐẮC của mình lại càng khó, khó đến nỗi tác giả Chứng Đạo Ca ví với chuyện "Rủ nhau giành trăng đáy nước".

Ngũ nhân là năm thứ mắt, nói cách khác, năm cách "tư duy" mà cùng một cách ngó nhìn. Đó là: nhục nhãn, thiên nhãn, pháp nhãn, tuệ nhãn và Phật nhãn.

Ngũ nhân thanh tịnh, con người tự có năm thứ sức mạnh, đủ sức tiến mạnh trên con đường Bồ Đề Vô thượng. Đó là:

CHÁNH TÍN, CHÁNH TINH TẤN, CHÁNH NIỆM, CHÁNH ĐỊNH
VÀ TRÍ TUỆ BA LA MẬT.

Điều đó nói với ai? Dễ có mấy người biết! Dễ có mấy người tin! Đó là:

"... Duy chứng nãi tri, nan khả trắc"

Họ không tin, không có gì đáng trách, vì họ khác "môi trường"!

THI CA 10 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO: NHỮNG PHÚT GIÂY TỰ NHỦ

Phiên âm:

Thường độc hành, thường độc bộ
Đạt giả đồng du Niết bàn lộ
Điều cổ thần thanh phong tự cao
Mạo tụy cốt cang nhân bất cố

Dịch nghĩa:

** Tôi chấp nhận cô đơn trên đường đạo
Vui một mình, vui theo nhịp bước chân đi
Tôi những mong có pháp lữ chung lòng
Cùng tiến bước vào Niết-bàn thường lạc
* Không như ý, tôi nguyện làm người cô lỗ
Sống theo mình, sống với gió mát trăng thanh
Dù xương tro, thân đét, thịt teo gầy
Không ân hận, tôi vui với lập trường kiên định ấy.*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Những phút giây TỰ NHỦ của tác giả CHỨNG ĐẠO CA, HUYỀN GIÁC, nói lên ý chí quyết liệt và xác định lập trường kiên định của mình trên con đường hành Đạo. Thực vậy, tu hành mà không có mục tiêu cho ý chí vươn lên, không có lập trường để định hướng cho hành động, để rồi bạ đâu theo đó, "vui đâu chúc đó", "nghe đâu tin đó" thử hỏi một cuộc đời như thế con người đó sẽ ra sao?

Xác định lập trường là việc cần

Ý chí quyết liệt cũng là việc cần

Chấp nhận cô đơn cũng lại là việc cần.

Nhưng người tu hành cũng không biến mình trở thành một con người lập dị. Lập dị là một thói xấu trong muôn ngàn thói xấu. Cho nên lập trường của tác giả: có thể "cô đơn", có thể "vui một mình", nhưng rồi:

*"... Tôi những mong có Pháp lữ chung lòng
Cùng tiến bước vào Niết-bàn thường lạc..."*

Chưa hết, nếu ý chí đó, lập trường đó mà không được toại nguyện, vì một lý do gì đó thì tác giả lại xác định lập trường thêm một bước nữa: Tác giả có thể trở thành người lang thang nơi thâm sơn cùng cốc hoặc lê bước chốn cơ nội hoa đồng để được sống cho lý tưởng của mình mà mình đã vạch ra bằng bao nhiêu nhọc nhằn trên những năm tháng dài tu học.

Tác giả bằng lòng với cuộc sống đó:

*"... Không như ý, tôi nguyện làm người cô lỗ
Sống theo mình, sống với gió mát trăng thanh"*

Cuối cùng, tác giả nâng lập trường lên một cấp cao hơn để "kiên định hóa" ý chí của mình trở thành như một lời tuyên thệ:

*"... Dù xương trơ, thân đét, thịt teo gầy
Không ân hận, tôi vui, với lập trường kiên định ấy"*

---o0o---

THI CA 11 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỚI DANH XUNG BÀN ĐẠO

Phiên âm:

Cùng thích tử, khẩu xưng bản
Thực thị thân bản đạo bất bản
Bản tắc thân thường phi lữ hạt
Đạo tắc tâm tàng vô giá châu
Vô giá châu, dụng vô tận
Lợi vật ứng cơ chung bất lận
Tam thân tứ trí thể trung viên
Bát giải lục thông tâm địa ấn

Dịch nghĩa:

* Người thích tử với danh xưng BÀN ĐẠO
Thân có BẢN, ĐẠO có BẢN chi!

*BẢN biểu hiện áo khâu áo và
ĐẠO không BẢN, tâm chứa NHƯ Ý châu (1)
* Ngọc NHƯ Ý, dùng sao cho hết
Nó chứa đầy TỬ TRÍ (2), TAM THÂN (3)
Vẹn LỤC THÔNG (4), BÁT GIẢI (5) cùng tròn
TÁM ĐỊA (6) sáng độ sinh vô cùng số.*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Người đạo sĩ trong đạo Phật hoặc cũng có hàng đạo sĩ không phải đạo Phật, thường tự xưng BÀN ĐẠO. Bàn đạo là cái từ khiêm tốn nhún nhường, về kiến thức, đạo hạnh và phước đức... của một đạo sĩ. Nhưng theo tác giả Chứng Đạo Ca thì người đạo sĩ của Phật giáo phải là người giàu chứ không được nghèo. Người đạo sĩ phải phát hiện Như Ý châu vô giá của mình để lợi vật ứng cơ trên đường sự nghiệp.

Người đạo sĩ "Thân bản", "Khẩu bản" có lợi hơn. Nhưng tâm thì không thể "bản". "Thân bản", "Khẩu bản", hạn chế ngã mạn cống cao để tiến tới diệt trừ cái "bản ngã", vĩ đại tiềm phục trong A-lạ-gia thức của con người muôn thuở. Đạo tâm không thể "bản", cần có đủ những chất lượng như: Tam thân, tứ trí, bát giải, lục thông... và nhị đế dung thông tâm địa ẩn nữa. Được vậy, mới thuyết pháp độ sinh, lợi mình, lợi người, mới là vị "thầy" đúng nghĩa của người "bản tăng" trong dòng Thích tử. Cho nên người Thích tử:

... "Khẩu xưng BÀN, ĐẠO bất bản"

Cái Bàn của người Thích tử nghèo biểu hiện mặc áo chắp "phước điền y". BÀN để làm ruộng phước cho chúng sanh, chứ không BÀN để than van, cầu cạnh, để "quyên tởi" quá nhiều cách ấy.

Theo ý chí của tác giả Chứng Đạo Ca, Huyền Giác thì BÀN ĐẠO của dòng họ Thích, là con người thân BÀN, khẩu BÀN còn tâm ý phải là đại phú, phải phát hiện NHƯ Ý châu vốn có của mình thì sự nghiệp mình mới rạng rỡ, mới xứng đáng ít nhất là "trung lưu chi sĩ" đó là cơ hội, là điều kiện... "Báo Phật ân đức của mình".

---o0o---

THI CA 12 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ CHỨNG TÁNH VÀ CĂN CƠ

Phiên âm:

Thượng sĩ nhất quyết nhất thiết liễu
Trung hạ đa văn đa bất tín
Đản tự hoài trung giải cấu y
Thùy năng hướng ngoại khoa tinh tiến?

Dịch nghĩa:

* Rời tất cả, khỏi tu không cầu chứng
Đó là hạng Đại thừa, Thượng sĩ tối lợi căn
Diệt KIẾN TU diệt sạch hết cái TRIỀN
Rời tất cả, mà khỏi để tâm tu chứng
* Bạc Trung hạ, những căn cơ thấp kém
Học thì nhiều, học trích cú tầm chương
Luôn mồm khoe, học vị với văn bằng
Cởi áo bán, còn không biết đường mở nút!

---o0o---

TRỰC CHỈ

Đứng bên "bình đẳng môn" thì Phật tánh ai cũng có như ai. Đứng bên "sinh diệt môn: thì vấn đề CHỨNG TÁNH, CĂN CƠ, góp phần rất quan trọng cho sự "nhất quyết" "nhất thiết liễu" của người tu hành. Phải cương quyết, phải nhất quyết, quyết định cho mình một hướng đi, một mục đích đến mà không thể do dự, phân vân bán nghi bán tín, bởi vì NGHI là một trong "Tư hoặc", trong "Thập sử", trong "Ngũ cái". Một khúc gỗ ở thượng nguồn, muốn trôi đến biển cả phải vượt qua năm điều cấm kị không được trôi tấp hai bờ. Không để cho người vớt. Không theo nước xoáy mà trôi. Không vướng vào cồn đảo. Tự nó không ruỗng mục bên trong. Phải thẳng tắp mà trôi mới ra biển được. Chần chờ, do dự "không nhất quyết" thì không đến đích giải thoát giác ngộ được. Vì còn vướng, còn "tấp" chưa chịu trôi!

Học theo kiểu tầm chương trích cú, học hiểu để ngâm phong vịnh nguyệt, uốn ba tấc lưỡi nói chuyện trên mây, trên "trời" để dọa hù những người cả tin nhẹ dạ. Với cuộc sống của tự mình, việc làm, chuyện nói rất mùi ám chướng u mê. Hở môi ra thì khoe khoang học vị văn bằng. Chạm mặt với

phiền não đành nằm gác tay lên trán mà chịu đựng cho lương tâm hành hạ. Miệng oang oang nói về Cực lạc, Thiên đàng lòng u uẩn đắm chìm trong A tỳ ngục.

Đó là cái học của kẻ "hạ lưu". Dưới nhãn quan của tác giả Chứng Đạo Ca, vấn đề Chung Tánh Căn Cơ, người Thích tử phải lưu tâm bồi dưỡng nó.

---o0o---

THI CA 13 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VẤN ĐỀ THỊ PHI

Phiên âm:

Tùng tha bán, nhậm tha phi
Bả hỏa thiêu thiên đồ tự bì
Ngã văn khắp tự ẩm cam lộ
Tiêu dung đốn nhập bất tư nghi

Dịch nghĩa:

* Tốt và xấu nhà nhà đều có
Thị với phi, chón chón "hương" đồng nhau
Mặc tâm khen, mặc phi bán, đừng nao
* Lời phi bán, nghe như ru, như gió thoảng
Họ tự bồng, bằng ngọn lửa đốt trời trong tay họ
Ngọt như cam lộ, mát tợ xuân phong
Tìm đâu ra! Bực bội với u sầu?
Nó tan biến trong cảnh giới "bất tư nghi" giải thoát.

---o0o---

TRỰC CHỈ

Thị phi, nhưn ngã, hỉ nộ, ái ố... suốt ngày ở đâu cũng có, nhà nhà đều có. Hay dở, khen chê, tốt xấu, xứ nào cũng có. Tất cả những cái đó, muốn cho nó trở thành không có, thì: Một, không nghe. Hai, nghe mà không để dạ, không tư duy về nó, thì tự nó "tiêu dung".

"Tiêu dung đốn nhập bất tư nghi"

Đó là việc có thật. Mọi người có thể tự thí nghiệm bằng cuộc sống của mình, trong những trường hợp mình "lỡ" bị thị phi ập đến.

Người tu hành rất cần "chánh niệm" để kịp thời đối phó với nghịch cảnh, nếu có. Trường hợp bị phỉ báng, thị phi, ta nhớ: Họ sẽ tự bùng bởi ngọn lửa đốt trời trong tay họ. Miệng họ tự ô uế trước, vì máu họ ngậm để phun người. Quán chiếu và tư duy như vậy, người tu sẽ nhẹ nhõm ngay, cơn bực tức sẽ hạ tức thời, nếu chánh niệm đến kịp lúc.

Người chân tu nghe thị phi như gió thoảng, như ru hời, ngọt như cam lồ, mát như xuân phong, tỉ tê như nhạc thính phòng, nỉ non như tiếng sáo Trương Lương... là chuyện có thật. Đó là ý thú của câu và của người.

*"Kiến sắc phi can sắc
Văn thanh bất thị thanh
Sắc thanh vô quái ngại
... Thị đáo pháp vương thành"
"Ngã văn pháp tự âm cam lộ"
"Tiêu dung đốn nhập bất tư nghi"*

Là chuyện có thật của người chân tu, biết tu, thường giữ được... "Chánh niệm" và chánh định trong đời sống tu hành.

Tu mà không đem lại kết quả, không hóa giải được vô minh phiền não, không có chút an lạc nào trong đời sống hiện tại là "Tu sai" cần phải sửa.

Hy vọng kết quả ở đời sau, sau khi chết càng sai nghiêm trọng.

---o0o---

THI CA 14 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ SỰ HỦY BÁNG

Phiên âm:

Quán ác ngôn thị công đức
Thử tác thành ngô thiện tri thức
Bất nhân sáng báng khởi oan thân
Hà biểu vô sanh từ nhẫn lực

Dịch nghĩa:

* Lời sỉ nhục ta nghe ra răn dạy
Người dạy ta là thiện tri thức của ta
Nhờ ân sư mà đạo lực kiên cường
Lòng thánh thiện, ta thọ dụng, vô vàn an lạc
* Câu hủy báng, ta không quan tâm để dạ
Kết oan cừu nào có lợi chi
Để chứng minh sức TỬ, NHÃN vô sanh (1)
Hãy mở rộng cửa lòng bao la như biển.

---o0o---

TRỰC CHỈ

Người nói được cái xấu, dở của ta, người đó đáng là người THIỆN HỮU TRI THỨC. Lời hủy báng, sỉ nhục nếu ta có đạo lực, chánh niệm vững vàng thì sự kiện đó làm cho ta tăng thêm nghị lực trên bước đường hành đạo. Cho nên:

"Quán ác ngôn, thị cộng đức"

Đó là điều có thật đối với người chân tu thực học, nghe sỉ nhục, hủy báng mà giận mà thù thì làm sao tỏ rõ được sức TỬ BI, NHÃN NHỤC và VÔ SANH của một Thích tử. Phải biểu lộ và chứng tỏ sức: TỬ, NHÃN, VÔ SANH của đạo Phật qua những "ác ngôn" những "sáng báng" mà không được khởi "oan thân". Cái thấy của người chứng đạo, qua niệm vấn đề là như thế.

"Nhiều, nhiều, nhiều thiên tai vạn họa nhất tề tiêu"

"Nhẫn, nhẫn, nhẫn oan gia trái chủ từng thử tận"

"Mặc, mặc, mặc vô hạn thân tiên từng thử đắc..."

---o0o---

THI CA 15 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO ĐỊNH TUỆ LÀ NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH QUẢ BỒ ĐỀ NIẾT BÀN

Phiên âm:

Tông diệc thông, thuyết diệc thông

Định tuệ viên minh bất trệ không
Phi đàn ngã kim độc đạt liễu
Hằng sa chư Phật thể giai đồng

Dịch nghĩa:

*Chánh giáo giỏi, thuyết giáo hẳn là sâu sắc
Định tuệ tròn, sẽ không vương CÓ và KHÔNG
Không riêng tôi, có được sự kiện này
Hằng sa Phật, ĐỒNG THỂ không ngoài chân lý ấy*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Thiền định, trí tuệ và sự thông minh là ba môn rất cần phải có của một tu sĩ Phật giáo.

Chỉ có thông minh thôi, sẽ trở thành "Thế trí biện thông" tài tình cho lắm thì cũng chỉ là người giỏi phục vụ cho ăn, mặc, ở, ngủ... suốt đời, mà khó có một ngày bằng lòng trọn vẹn. Người ta phải "chịu đựng" và "chịu đựng"...

THIÊN ĐỊNH đối với tu sĩ Thích tử không thể thiếu. Thiền định quan trọng với tu sĩ ví như chất muối quan trọng với những "đầu bếp" nên nếm các món thực đơn đang nấu của mình. Thức ăn không thể không có muối nhưng muối tự nó không thành thức ăn ngon được. Vì vậy, tu thiền định phải là thứ định có tư duy, phát sanh trí tuệ. Nhận thức chân lý trong lúc định cũng như lúc xuất định, ấy là định đúng. Trái lại định để đi vào vô tri vô giác như tượng gỗ đá là định không có tuệ, đó là định sai lầm, vô ích. Khác hơn định vô tri vô giác, người thiền định bằng cách tưởng tượng. Vận dụng trí tưởng tượng: Rằng ta đến cõi trời, ta vào động tiên, ta gặp đức Phật v.v... Đây cũng là một thứ định không tuệ. Thứ định này sai lạc sẽ không đem lại kết quả mà còn nguy hiểm cho hệ thần kinh. Thứ định này định càng sâu thì "lạm" càng nặng, có thể dẫn đến bệnh "tâm thần" loạn trí mà người bị "lạm" tưởng mình đang sinh hoạt giao du với thần thánh, Phật trời...

Định dẫn đến vô tướng, vô tri giác sẽ rơi vào bệnh chấp KHÔNG, chối bỏ vạn vật hiện hữu.

Định để mà tưởng tượng, xuất hồn đi đây đi đó, gặp thánh, gặp Phật... sẽ rơi vào bệnh chấp CÓ, cảnh giới do hoang tưởng mà tự thấy.

Thiền định của đạo Phật, ĐỊNH là NHÂN, TUỆ là QUẢ. Tuệ phải là "tuệ" do chánh định, chánh niệm, chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh mệnh. Đối tượng tư duy quán chiếu là chân lý cuộc đời.

Do vậy, với cái thấy của người chứng đạo:

"Định tuệ viên minh bất trệ không..."

---o0o---

THI CA 16 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ CHÁNH PHÁP CỦA NHƯ LAI

Phiên âm:

Sư tử hồng, vô úy thuyết
Bách thú văn chi giai não liệt
Hương tượng bốn ba thất khước uy
Thiên long tịch thính sanh hân duyệt

Dịch nghĩa:

Tiếng PHÁP chánh, tựa tiếng gầm sư tử
Bách thú nghe, như vỡ óc xé tim gan
Lời Như Lai, lời vô úy trong trời người
Hương tượng khiếp, còn nói chi nai và chó chóc

---o0o---

TRỰC CHỈ

Pháp âm của Phật thuyết thường được ví tiếng gầm của sư tử (sư tử hồng) hoặc "hải triều" hoặc "chuyển pháp luân". Những từ đó dùng chỉ chân lý có một sức "uy hùng" như tiếng gầm của chúa sơn lâm, sức "áp đảo" như tiếng "gào" của sóng biển, sức "đè bẹp" như sức cán sỏi đá của "hủ lô".

Chánh pháp phá tà thuyết dễ như ánh sáng chiếu bóng tối, phá mê tín dị đoan huyền hoặc siêu hình dễ như "hủ lô" cán sỏi...

Chỉ có người trí, hàng chư thiên (tức hạng người có gieo trồng thiện nhân, có phước đức) nghe, sanh tâm hoan hỷ và hưởng được an lạc, ngay trong cuộc sống.

---o0o---

THI CA 17 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO SANH TỬ BẤT TƯƠNG CAN

Phiên âm:

Du giang hải, thiệp sơn xuyên
Tâm sư phỏng đạo vị tham thiên
Tự tùng nhận đắc tào khê lộ
Liễu tri sanh tử bất tương can

Dịch nghĩa:

Tôi đi khắp núi, sông, rừng, duyên hải
Để tâm sư, hỏi đạo, học tham thiên
Cho đến ngày, tôi tiếp nhận chỉ thú TÀO KHÊ
Sự sanh tử, chẳng đáng gì để tâm dính dáng

---o0o---

TRỰC CHỈ

Là con người không ai dám xem nhẹ vấn đề sinh tử. Ai cũng lo âu, sợ hãi canh cánh suốt cuộc đời.

Với tuệ giác vô thượng của đức Phật mà người đạo sĩ tu học, có quán chiếu tư duy, nhận thức được chân lý thì sự sinh tử không phải là việc đáng sợ hãi, đáng để tâm ôm ấp, để rồi khổ đau vì nó, mà cuối cùng cũng không tránh khỏi. Thế là "lỗi lẽ", "thiệt thòi". Tìm lý do? Chỉ vì "chấp", vì bệnh chấp ngã, chấp pháp của con người. Đáng lý con người được hưởng sự tự tại, giải thoát ngay trong cuộc sống, thế mà mất hết!

Từ khi tác giả Chứng Đạo Ca tiếp nhận chỉ thú TÀO KHÊ:

"Ung dung không làm lành
"Vội vàng không tạo ác

*"Bằng bạc chẳng thấy nghe
"Thênh thênh tâm không "dính"*

Do vậy, vấn đề sinh tử chẳng dính vào được. Há chẳng phải:

"Sinh tử bất tương can?"

---o0o---

THI CA 18 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ ĐẠI THỪA THIÊN

Phiên âm:

Hành diệc thiên, tọa diệc thiên
Ngữ mặc động tĩnh thể an nhiên
Túng ngộ phong đao thường thản thản
Giả nhiều độc dược dã nhàn nhàn

Dịch nghĩa:

*Tu THIÊN tọa, không chỉ ngồi mới "tọa"
Thiên cả đi, khi đứng lúc cần nằm
Dẫu gươm đao dọa dẫm vẫn bình tâm
Phải độc dược, cố giữ lòng thanh thản*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Xét cho kỹ mọi sinh hoạt ở đời, người ta sẽ thấy THIÊN là một môn luyện tập thuộc phạm trù nội tâm, một phương pháp điều Tâm hiệu quả. Do vậy, người ta ứng dụng hầu hết mọi lãnh vực, mọi ngành nghề. Thiếu chất THIÊN khó mà phát triển tài năng kể cả hai mặt: sinh lý và tâm lý. Muốn đánh trúng chỗ nhược của đối phương, người võ sĩ phải thiên. Nấu ăn thật ngon, người đầu bếp phải có thiên. Phát minh một khoa học, một vật lý, một dược liệu mới, nhà bác học phải có thiên... Đó là thế gian THIÊN.

Ở lãnh vực "tôn giáo", còn có ngoại đạo thiên, tiểu thừa thiên.

"Hành diệc thiên, tọa diệc thiên,

"Ngữ mặc động tĩnh thể an nhiên..."

Đấy thuộc ĐẠI THỪA THIÊN. Tại sao Đại thừa thiên có một phong thái xem thường những đe dọa, chết chóc? Chừng nào THIÊN GIẢ giải đáp được câu hỏi đó thì mới hiểu được rằng ĐI, ĐÚNG, NGỒI, NẮM, đều không rời THIÊN của Đại thừa THIÊN.

Than ôi!

"Duy chứng nãi tri nan khả trắc
"Kính lý chiếu hình khán bất nan
"Thủy trung tróc nguyệt tranh niêm đắc".

---o0o---

THI CA 19 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ SINH TỬ

Phiên âm:

Kỷ hồi tử, kỷ hồi sinh
Sinh tử du du vô định chi!
Ngã sư đắc kiến nhiên đấng Phật
Đa kiếp tăng vi nhẫn nhục tiên

Dịch nghĩa:

Việc sinh tử kể sao cùng số...
Tử rồi sinh, sinh tử lững lờ trôi
Bổn sư ta vô lượng kiếp phát tâm lành
Làm tiên nhẫn nhục, tu hành từ thời
NHIÊN ĐẮNG cổ Phật.

---o0o---

TRỰC CHỈ

Ham sinh sợ tử là việc thường tình. Bởi vì người đời quan niệm rằng "đời người có một lần". Một lần sinh ra. Một lần thi đỗ. Một lần kết hôn và đáng sợ nhất, một lần chết. Cuối cùng chết là hết!

Dưới nhãn quan của người chứng đạo: vạn pháp không có cái gì mất hẳn. Vạn pháp là hiện tượng vô thường nhưng chúng duyên sinh từ bản thể chân thường. Vì vậy, việc sinh tử không thể luận kiếp số, không có sự chấm dứt dòng sinh tử. Dòng sinh tử tử sinh cứ trôi mãi không có bến bờ dừng trụ. Nó "hằng" mà "chuyên". "Chuyên" trong cái "hằng".

"... *Tử rồi sinh, sinh tử lừng lờ trôi*"

Không phải chỉ có con người mới tử sinh vô cùng vô tận về kiếp số. Qua cái thấy của người chứng đạo, Phật Bốn sư Thích Ca Mâu Ni của ta cũng vậy, chư Phật trong mười phương ba đời cũng cùng thọ dụng một chân lý.

"... *Việc sinh tử, kể sao cho cùng số...*"

---o0o---

THI CA 20 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ THỨ VUI CỦA THIÊN GIẢ

Phiên âm:

Nhập thâm sơn trụ lan nhã
Sâm ngâm u thúy trường tông hạ
Ưu du tĩnh tọa dã tăng gia
Khuyếch tịch an cư thật tiêu sái!

Dịch nghĩa:

*Vào rừng thăm, trụ am thanh tĩnh tịch
Dưới cội tùng, bên gộp đá bóng râm che
Làm Tăng quê, vui sâu trong tĩnh tọa, trong êm đềm
Cảnh lặng lẽ, an lành sao nói hết... !*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Là con người, ai cũng như ai. Ngày ngày lo toan sinh kế, phục vụ bản thân gia đình, thừa ra đóng góp phần cho xã hội. Ngoài những ngày giờ làm việc mệt nhọc, mỗi người dành cho mình một cách "giải trí", một "thú vui".

Thú vui xem phim, thú vui đọc sách, thú vui đánh cờ, thú vui câu cá, thú vui ca nhạc...

Dưới mắt người chứng đạo, người đạo sĩ cũng có thú vui, một thú vui khác với tất cả thú vui của người thường. Thú vui của đạo sĩ, người thường nghe có thể không thấy có gì vui. Vì người ta không thưởng thức nổi cái hương vị giải thoát thậm trầm, sâu kín, mầu nhiệm của tâm hồn người đạo sĩ.

Nói một cách khẳng định rằng, người đạo sĩ có thực tu, tu đúng chánh pháp, người đạo sĩ đó thưởng thức trọn vẹn cái thú vui "vô vi" mà người thường không có cơ hội được thưởng thức. Thú vui VÔ VI muốn thưởng thức nó, còn có cách là phải theo dấu chân của người trước đã đi qua.

*"Vào rừng thăm, trụ am thanh tĩnh tịch
Dưới cội tùng, bên gộp đá, bóng râm che
"Làm Tăng quê, vui sâu trong tĩnh tọa, trong êm đêm
"Cảnh lặng lẽ, an lành sao nói hết... !"*

---o0o---

THI CA 21 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO KHÔNG NÊN TRỤ PHÁP TU PHƯƠNG TIỆN

Phiên âm:

Giác tức liễu, bất thi công
Nhất thiết hữu vi pháp bất đồng
Trụ tướng bố thí sanh thiên phước
Do như ngưỡng tiền xạ hư không
Thế lực tận, tiền hoàn trụ
Chiêu đắc lai sanh bất như ý
Tranh tỵ vô vi thật tướng môn
Nhất siêu trực nhập Như Lai địa.

Dịch nghĩa:

** Giác là hết, chẳng cần tu với chứng!
Pháp hữu vi nhiều lắm kể sao cùng
Bố thí ra, lòng chấp, phước sanh thiên
Lúc phước hết, sinh lại cuộc đời không như ý*

** Như tên bắn, xé hư không bay vút
Sức môn rồi, tên rớt biết về đâu!
Sao bằng ta, thẳng tiến THẬT TƯỚNG MÔN
Nhảy một nhảy, đến ngay vùng đất Phật*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Muốn đi con đường Phật, phải chú ý những điều cần biết ban đầu:

Về pháp môn, đại để có phương tiện và cứu cánh...

Về chủng tánh, đại để có tiểu thừa và đại thừa...

Về giáo lý, đại để có tiệm, đôn, viên...

Về căn cơ, đại để có lợi, độn...

Có hiểu những điều cốt lõi đó, trong quá trình nghiên cứu, học Phật mới không sửng sốt, ngạc nhiên, kinh hãi, thậm chí phản đối và nguyên rủa, khi đọc:

"Giác là hết, chẳng cần tu với chúng".

Đối với tư tưởng Đại thừa của người chủng tánh Đại thừa, đó là sự thật, không hề cường điệu, đại ngôn, càng không hề dụng ý phủ định, chê bai, bôi bác sự tu hành của người khác không cùng căn cơ, chủng tánh, trình độ và pháp tu giống mình.

Người Đại thừa nhận thức rõ, pháp hữu vi "thiên sai vạn biệt", pháp tu thì "vô lượng pháp môn", chạy theo nó mình sẽ làm gì đây? Làm cái nào cho mau hiệu quả? Tu môn gì để được "phước nhiều"? Hành kiểu chi để mau thành Phật? v.v... Vô số vấn đề, bao nhiêu câu hỏi được đặt ra, chắc chắn chẳng ai biết chắc phải làm gì để được thành công sớm nhất và to lớn đến cỡ nào!

Riêng về pháp môn tu THIÊN của THIÊN TÔNG cũng còn không biết cơ man nào rắc rối. Nếu không có duyên tu học VÔ VI THẬT TƯỚNG MÔN thì đa số, người ta chỉ dạy nhau và tu với nhau những pháp môn

THIỀN LÁ SẢ mà thôi! Với người Đại thừa "Nhảy một nhảy đến ngay vùng đất Phật".

Đó là chuyện có thật. Nhưng có điều chua chát là lời thật không phải ai cũng bằng lòng. Tuy nhiên, không vì vậy mà người chứng đạo không vì lẽ thật, nói ra lời thật để cho ai đó "đạt giả đồng du..." chứng nhập quả bồ đề chân thật.

---o0o---

THI CA 22 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO NHÌN BAO QUÁT NĂM TRỌNG TÂM

Phiên âm:

Đản đặc bốn, mạc sâu mạt
Như tịnh lưu ly hàm bảo nguyệt
Ký năng giải thử như ý châu
Tự lợi, lợi tha chung bất kiệt

Dịch nghĩa:

* Càn ôm góc, quan tâm chi càn ngọn
Góc vững rồi, càn ngọn sẽ sum suê
Như lưu ly, thu hết ánh trăng vàng
Sáng vắng vạc, sáng mơ màng, châu lưu ly thu trọn vẹn
* Cũng như thế, tâm ta là châu NHƯ Ý
NHƯ Ý châu, giá trị lớn vô cùng
Tĩnh thức rồi, với THƯỜNG TRÚ CHÂN TÂM
Dùng tự lợi, dẫu lợi tha đời không bao giờ hết.

---o0o---

TRỰC CHỈ

Nhìn bao quát năm lấy trọng tâm là cách nhìn của người khôn ngoan trong cuộc sống.

Nhà quân sự, cất cánh chiếc máy bay thám thính, bay lượn một vùng trời hàng trăm "cây số" để nhìn bao quát và tìm nắm lấy một mục tiêu, một "trọng tâm" của đối phương trong một vài điểm.

Tiền phu vào rừng. Ngủ phủ ra khơi. Người nội trợ đi chợ. Cô bán hàng rong... đều vận dụng cách "nhìn bao quát, nắm lấy trọng tâm" trong nghề nghiệp của mình. Đến như những bậc tiền bối dòng dõi tiên rồng cũng dạy cho con cháu cách "nhìn bao quát nắm lấy trọng tâm" để chọn cho mình một ý trung nhân trong lứa tuổi "xuân xanh xấp xỉ" búi tóc cài trâm răng:

*"Trai khôn tìm vợ chợ đông
Gái khôn tìm chồng giữa chốn ba quân".*

Người đạo sĩ cũng có cái nhìn "bao quát" trong đường học đạo và hành đạo. Người ta thường gặp nó trong một cái từ đẹp đẽ mới nghe qua tưởng như hữu lý:

"Bồ-tát đa hạnh"

Thực vậy, "đa hạnh" không có gì phải chê trách và chối bỏ. Nhưng "đa hạnh" chỉ là cách "nhìn bao quát" mà người thông minh, cần phải biết "trọng tâm" để nắm lấy. Đa hạnh chỉ là lá, ngọn, cành... Lá, cành, ngọn, đọt có thể tiêu ma tàn tụi dễ dàng nếu gốc sùng, hà, mục ruỗng.

Trọng tâm của đạo sĩ, qua cái thấy của người chứng đạo là TÂM. Tâm ở đây được ví "tịnh lưu ly". Tịnh lưu ly thu hết ánh trăng vàng. "Chân tâm thường trú", "Như Lai Viên Giác Diệu Tâm" mà phát hiện, mà tỉnh thức, mà tỏ ngộ, mà thể nhập thì diệu dụng sẽ vô cùng vô cực. Dùng cho việc lợi mình, dùng cho việc lợi chúng sinh từ đời này cho đến vĩnh viễn vô lượng đời sau công đức không bao giờ cạn kiệt.

---o0o---

THI CA 23 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỮNG CHÁNH NIỆM TRONG MỌI THỜI

Phiên âm:

Giang nguyệt chiếu, tòng phong xuy
Vĩnh dạ thanh tiêu hà sở vi?
Phật tánh giới châu tâm địa ấn
Vụ lộ vô hà thể thượng y

Dịch nghĩa:

* Trăng vàng vắt, lung linh vờn đáy nước
Gió ngọn tùng, nghe như cật vấn lương tri
Cảnh đêm thanh, trăng sáng: Đã làm gì?
Rừng, Phật tánh, giới châu tôi in sâu vào tâm địa.
* Tôi lấy cả ráng, mây, làm màu áo
Lấy mù mai, sương sớm để làm màn
Vui trăng sông, tùng núi, gió vi vu
Ôm Phật tánh, giới châu làm bạn đường chung chẵn gối!

---o0o---

TRỰC CHỈ

Cái thấy của người chứng đạo đối với việc "tu hành" nhẹ nhàng, cởi mở, tự tại mà hiệu quả rất cao, người chứng đạo họ có giải thoát thật sự, họ có giác ngộ chân lý thật sự, vì vậy không có gì ràng buộc được thân tâm con người chứng đạo. Dưới mắt của người chứng đạo, vạn pháp đồng nhất thể. Tùy duyên biến hiện mà dáng vẻ hình hài có sai khác đó thôi. Tất cả đều cùng chung một tự tánh thanh tịnh bản nhiên của tự nó. Từ nhận thức chân lý đó, cho nên vấn đề gọi là TU HÀNH chẳng có gì cực khổ khó khăn.

Van xin, cầu nguyện. Không cần

Lạy ngũ bách danh, tam thiên Phật. Không cần.

Tụng kinh, tay chuông, tay mõ, ngày sáu thời. Không cần.

Tay lần chuỗi, miệng niệm danh hiệu Phật suốt ngày. Không cần.

Vậy người đạo sĩ, cần gì?

- Cần vững CHÁNH NIỆM. Có chánh niệm là có tất cả. Có chánh niệm người đạo sĩ sẽ không rời Phật tánh. Luôn luôn tỉnh thức sống bằng Phật tánh, đương nhiên có "giới châu", có "định châu", có "tuệ châu". Giới, định, tuệ mà in sâu tâm địa thì còn cái gì ràng buộc được, lý do nào làm cho hành giả "bận lòng"!

Như vậy, người đạo sĩ:

"Tôi lấy cả ráng, mây, làm màu áo
Lấy mù mai, sương sớm để làm màn
Vui trăng sông, tùng núi, gió vi vu
Ôm Phật tánh, giới châu làm bạn đường chung chă gỏi!"
Đó là việc có thật. Có thật, tuy nhiên:
"Duy chúng nãi tri, nan khả trắc..."

---o0o---

THI CA 24 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO SỰ LÝ TƯƠNG HỒ

Phiên âm:

Hàng long bát, giải hồ tích
Lưỡng cô kim hoàn minh lịch lịch
Bất thị tiêu hình hư sự trì
N hư Lai bảo tượng thân tung tích

Dịch nghĩa:

* *Gậy đuôi cọp, đến nay còn chứng tích
Bát thu rồng, của Lục Tổ hãy còn lưu
Thấy vật xưa, như gặp lại người xưa
Nhìn kỹ vật, để nhủ lòng thêm tinh tấn*
* *Cầm tích tượng, tưởng như nắm trong tay chân lý
Tứ diệu đề với thập nhị duyên sinh...
Tượng của Như Lai là biểu tượng của "bản tánh"
Chân đạo sĩ, chớ nên nghĩ: Đó là HU SỰ!*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Người học Phật, phải học, hiểu những vấn đề then chốt của nền giáo lý Phật, trước khi vào nhà Phật học đồ sộ. Đó là vấn đề:

- Sự - Lý
- Phương tiện – Cứu cánh
- Bất liễu nghĩa – Liễu nghĩa.
- Tục đế – Chơn đế

Hiểu được ý nghĩa và công dụng của những cặp phạm trù đó, người đạo sĩ thấy biết rộng sâu vào vấn đề:

- Lý pháp giới
- Sự pháp giới
- Lý sự pháp giới
- Sự sự pháp giới
- Lý vô ngại
- Sự vô ngại
- Lý sự vô ngại
- Sự sự vô ngại

Hiểu rõ tánh chất "vô ngại" qua bốn cách nhìn "pháp giới", người đạo sĩ chợt nhận ra chân lý "Pháp giới nhất chân". Sự là "sự" của "lý". Lý là "lý" của "sự". SỰ LÝ VIÊN DUNG. Bấy giờ nhìn thấy gậy đuổi cọp, bát thu rỗng, bình bát, tích trượng như nhìn thấy Phật, Pháp và Tăng. Thấy được chân lý: "Một là tất cả". "Tất cả là một". Thế cho nên với người chứng đạo những chứng tích "hữu vi", "sự tướng" đó không ngoài "bản thể nhất chân" thì sao được gọi là HƯ SỰ TRÌ?

Tuy nhiên, với người chưa tỏ ngộ chơn lý, ôm giữ bình bát tích trượng, ba y, chánh gốc của Phật tử Như Lai, để mà "lễ bái" mà "cầu nguyện" mà "van xin" mà "hy vọng", mà trông nhờ sự "phù hộ" sự "cứu rỗi" của Phật thì rõ là HƯ SỰ TRÌ. Vì sự chỉ là sự "hữu vi pháp" thì của ai cũng đều như huyễn, như hóa, như sương mai, như điện chớp mà thôi. Bo bo ôm giữ "sự tướng" là dấn chân một chỗ. Mà phải hiểu:

*Sự để đạt đến Lý
 Phương tiện để đạt đến cứu cánh
 Bất liễu nghĩa để đưa lên liễu nghĩa
 Tục đế để nhận thức tư duy chơn đế".*

---o0o---

THI CA 25 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỌNG, CHÂN ĐỀU VỌNG

Phiên âm:

Bất cầu chân, bất đoạn vọng
Liễu tri nhị pháp không vô tướng
Vô tướng vô không vô bất không
Tức thị Như Lai chân thực tướng

Dịch nghĩa:

* Chân đạo sĩ chẳng cầu chân bỏ vọng
Vốn biết rằng: Chân, vọng không có gì!
Bảo rằng "KHÔNG", nhưng không được hiểu "NGOAN KHÔNG"
Rằng là "CÓ", mà không nói là "THỰC CÓ"
* Nhận thức rõ, "Như Lai chân thực tướng"
Sắc là không, không là sắc, bất tương ly
Chân lý duyên sanh, một đạo lý nhiệm màu
Nhìn "đương thể": SẮC là KHÔNG, KHÔNG là SẮC

---o0o---

TRỰC CHỈ

Giáo lý liễu nghĩa thượng thừa trong đạo Phật, vấn đề CHÂN, VỌNG không là vấn đề đáng được bàn cãi đúng sai chân vọng nữa.

"Tánh chân thực của pháp hữu vi là KHÔNG

Vì duyên sinh

Ví như huyễn

Bản chất của pháp vô vi, không sinh không diệt

Vì không có thật

Ví như hoa đốm trong hư không"

Chỉ cái vọng, cốt hiển bày CHÂN. Không vọng tự nó CHÂN. Không có CHÂN nào ngoài VỌNG. Vọng và Chân đều không tự tướng. Không tự tướng đồng nghĩa với "không có gì". Gọi là CÓ chỉ là sự hội tụ duyên sinh còn hòa hợp. Gọi là KHÔNG chỉ là sự phân tán của duyên sinh tan rã.

Người học Phật khi nói CÓ phải ý thức, mình đang nói CÓ cái gì. Lúc nói KHÔNG cũng phải ý thức, mình đang nói KHÔNG cái gì!

SẮC KHÔNG, KHÔNG SẮC là vấn đề của người học đạo, hành đạo và chứng đạo mới thấy rõ:

"... Đạt giả đồng du Niết-bàn lộ..."

"... Duy chứng nãi tri nan khả trắc..."

Đó không phải là vấn đề nên "thảo luận" trong những buổi "tửu hậu trà dư". Càng không được nói để chứng minh rằng đó là sai hay đúng. Nếu cả đời mà ta chưa gặp "đạt giả" để "đồng du" thì chỉ còn một cách: "độc hành độc bộ" mà thôi! Rồi thỉnh thoảng chờ nghe tiếng vọng trong không gian thủ thi:

"Vui thì vui gượng kẻo là
Ai tri âm đó, mặn mà với ai..."

---o0o---

THI CA 26 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO ... NHẤT THIẾT DUY TÂM...

Phiên âm:

Tâm cảnh minh, giám vô ngại
Hoát nhiên huýnh triết châu sa giới
Vạn tượng sum la ảnh hiện trung
Nhất lửa viên quang phi nội ngoại

Dịch nghĩa:

Gương tâm sáng, rõ soi không ngăn ngại
Thoắt ngộ rồi, thu hết thế giới hằng sa
Vạn tượng sum la, là ảnh hiện của tâm này
Có TUỆ GIÁC, "trong" "ngoài" không ranh giới

---o0o---

TRỰC CHỈ

Trong giáo lý Phật, đề cập TÂM là đi vào lãnh vực "chuyên", vào chiều sâu thăm thẳm của tư duy và quán chiếu. Nói cách khác, người học Phật muốn nhận thức về TÂM, thưởng thức được hương vị giải thoát của TÂM, công dụng tuyệt vời thánh thiện của TÂM, người đạo sĩ phải thực hiện THIỀN, phải vận dụng CHÁNH QUÁN.

Bởi vì TÂM ở trong đạo Phật nói có nhiều tên gọi. Mỗi tên gọi, một công dụng, một giá trị lợi hay bất lợi, "bạn" hay "thù", chỉ người thực học, thực tu, mới hiểu hết, hiểu kỹ từng công dụng của các thứ TÂM.

1. Nhục đoàn tâm
2. Vọng tâm
3. Chân tâm
4. Thường trú chân tâm
5. Như Lai Viên Giác diệu tâm
6. Duyên lự tâm
7. Bát thức tâm
8. Tích tụ tinh yếu tâm

Tâm có nhiều tên gọi như vậy, cho nên nghiên cứu đạo Phật sơ sài, hời hợt mà bàn luận về TÂM thì khó mà quán triệt vấn đề.

TÂM CẢNH MINH, chỉ cho cái tâm được loại bỏ "vọng tâm", loại bỏ "duyên lự tâm", nhưng thứ tâm nghĩ ngợi lằng xằng, tạp nhạp, thứ tâm gây ra một nguyên nhân và hậu quả khổ đau cho con người.

TÂM CẢNH MINH là NHƯ LAI VIÊN GIÁC DIỆU TÂM là THƯỜNG TRÚ CHÂN TÂM của con người vốn có. Theo giáo lý đạo Phật, đó là "bản thể" của vũ trụ vạn hữu. Hiện tượng vạn hữu là pháp "duyên sinh" từ tâm thể đó mà ra:

"Nhược nhơn dục liễu tri
Tam thể nhất thiết Phật
Ứng quán pháp giới tánh
NHẤT THIẾT DUY TÂM TẠO"

"Duy tâm tạo" là "tâm thể" bao hàm thu tóm hết vạn tượng sum la, không còn vật nào "ở trong", cái gì "ở ngoài" nữa. Cũng như sóng mò, bọt bong bóng, không có cái gọi là "trong", là "ngoài", vì là cùng loại duyên sinh trên mặt biển bao la vô tận của nước đại dương.

---o0o---

THI CA 27 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO CẢNH GIÁC VỀ Ý NIỆM CHẤP CỦA CHÍNH MÌNH

Phiên âm:

Hoát đạt không bát nhân quả
Mảng mảng đặng đặng chiêu ương họa
Khí hữu trước vô bệnh diệc nhiên
Hoàn như tịch nhi đầu hỏa

Dịch nghĩa:

* *Kẻ thiên trí, chủ trương: RÕNG TUỆCH*
Cõi đời KHÔNG, NHÂN, QUẢ cũng KHÔNG
Khù khờ thay! Một hiểu biết đáng thương!
Rước tai họa cho bản thân mà không hay biết
* *Kẻ chấp CÓ bị khổ đau vì CÓ*
Người chấp KHÔNG sẽ đau khổ bởi KHÔNG
Tránh lửa thiêu, đấm đầu chạy nhảy sông
Khỏi chết nóng, chết lạnh cũng là một cách chết!

---o0o---

TRỰC CHỈ

Chữ CHẤP ở trong đạo Phật có ý nghĩa rất quan trọng. Chấp đồng nghĩa như chữ "cho là". Sự vật tôi "cho là" CÓ hoặc tôi "cho" sự vật "là" KHÔNG. Cho là CÓ: CHẤP CÓ. Cho là KHÔNG: CHẤP KHÔNG. Cho là KHÔNG NHÂN QUẢ: CHẤP KHÔNG NHÂN, KHÔNG QUẢ.

CHẤP thế gian là có, chấp thế gian là không, đồng nghĩa với "chấp thường", "chấp đoạn", không hợp với chánh pháp.

Cho vạn pháp thực có, con người sẽ bị sa lầy, vì đam mê vạn pháp. Vì vạn pháp mà tạo nghiệp mà chiêu báo. Cho vạn pháp là không, con người mất hết lý tưởng để sống. Và nếu sống cũng dễ mất hết lương tâm, lương tri, không biết vấn đề thiện ác là gì. Cho rằng không có nhân quả, cũng là hạng người rất đáng sợ, vì người ta không quan tâm, không lượng định việc làm và hậu quả của việc làm, nếu việc làm đó là "bất thiện nghiệp".

Không CHẤP CÓ, vì chán ý niệm có, vì ý niệm CHẤP CÓ gây ra nhiều nguyên nhân đau khổ. Bây giờ xoay lại nảy sanh ý niệm CHẤP KHÔNG. CHẤP KHÔNG vẫn là một ý niệm chấp sai lầm chân lý. Dính líu vào ý niệm chấp có đã không đem lại an lạc hạnh phúc được. Dính líu vào ý niệm chấp không, làm sao có được sự an vui. Vả lại ở trên cõi đời làm sao phủ định vạn pháp, làm sao trốn chạy vạn pháp, khiến cho vạn pháp trở thành KHÔNG, cho được?

Mà người học đạo phải hướng về "Thật tướng", phải chứng cho được "Thật tướng" thì mới khỏi vướng hai bên.

---o0o---

THI CA 28 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VẤN ĐỀ XẢ BỎ VÀ TÌM LẤY

Phiên âm:

Xả vọng tâm, thủ chân lý
Thủ xả chi tâm thành xảo ngụy
Học nhân bất liễu dụng tu hành
Chân thành nhận tặc tương vi tử

Dịch nghĩa:

Bỏ tâm vọng. Vọng tìm không có
Chân lý tìm? Chân lý biết ở đâu?
Sai lầm ngay trong ý niệm BỎ, TÌM
Lời cảnh giác, tưởng con mà là giặc!

---o0o---

TRỰC CHỈ

Hễ có ý niệm LẤY, BỎ thì cũng có các ý niệm tốt, xấu, thương, ghét, thân, sơ, sang, hèn, phải, quấy, ta, người... Đó là những ý niệm phát xuất từ vô minh vọng động, khiến cho CHÂN TÂM thanh tịnh vốn có của con người bị ẨN mất. Ví như sóng mòi, bọt bèo của nước biển không thể hiện được tánh phẳng lặng như tờ của biển.

Theo giáo lý Bát Nhã Ba La Mật, pháp sai lầm trái chân lý trừ bỏ đã đành mà pháp gọi là chánh là đúng, cũng phải bỏ nốt.

Một bàn tay cầm nắm phải bùn đất, cần buông bỏ đã đành, bàn tay cầm nắm kim cương, vàng ròng thì bàn tay đó cũng bị "nắm cứng" vì mớ vàng ròng và kim cương ấy. Bàn tay sẽ không dùng được vào một việc gì khác, trong khi công dụng của bàn tay có thể phát huy diệu dụng, lợi ích vô cùng.

Sai lầm của THỦ, XẢ nó không đóng khung trong "thủ xả" mà nó liên can lôi cuốn theo nhiều thứ khác. Vì vậy, tác giả nói:

"Thủ xả chi tâm thành xảo ngụy..."

---o0o---

THI CA 29 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO CHẾ TÂM NHỨT XỨ...

Phiên âm:

Tồn Pháp tài, diệt công đức
Mạc bất do tư tâm ý thức
Thị dĩ thiên môn liễu khước tâm
Đốn nhập vô sinh tri kiến lục

Dịch nghĩa:

Công đức giảm, pháp tài sa sút mãi
Thấy đều do: Tâm, Ý, Thức mà ra
Thế cho nên, Thiên Đạo đối với Tâm
Cần Trực Diện, un đức sức Vô Sinh Tri Kiến

---o0o---

TRỰC CHỈ

TÂM tức là đệ bát thức, cũng gọi "A lại da", là "Di thực" hay "Nhất thiết chủng thức". Nó là tổng thể, hàm chứa hết mọi thứ: cả SẮC cả TÂM. Tên là ĐỆ BÁT THỨC TÂM VUÔNG, nhưng nó còn có cái tên "Tàng". Vì vậy, nó không phải chỉ có phần "tâm" mà nó hàm tàng cả "sắc".

Ý: ở đây chỉ cái công dụng chấp ngã tức là "đệ thất thức". Ý làm "tôn pháp tài", "diệt công đức" thuộc hành đầu.

THỨC ở đây chỉ cho "tiền lục thức", công dụng tiếp thu, xuất nhập "lục cảnh": sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp.

Người đạo sĩ, chùng nào chưa chuyển thức thành trí, chưa làm chủ được bát thức tâm vương, chưa tăng tiến bồi dưỡng sức TRI KIẾN VÔ SINH thì hãy còn bị sự phân biệt, sự chấp nê, sự thị phi nhờn ngã tác động hoành thành. Do vậy mà "tôn pháp tài" và "công đức" suy mòn dần mất hết. Và cũng do vậy. Thiền gia rất xem trọng cái TÂM. Thiền gia chủ trương đối với TÂM phải trực diện với nó, phải nhìn thẳng vào mặt nó mà nhất cử nhất động của nó Thiền giả phải thấy hết, biết hết. Biết rõ từng nguyên nhân của ý nghĩ, biểu hiện lời nói và hành động: Đã khởi, đang khởi và sẽ khởi. Biết rõ cả hậu quả của nguyên nhân, dù còn trong ý niệm. Con người của mình, mình phải biết mình là ai. TÂM mình, mình phải "trực diện" với nó mọi nơi mọi lúc.

Thiền gia gọi đó là cách tu:

"Trực chỉ nhân tâm"

và "Kiến tánh thành Phật"

---o0o---

THI CA 30 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO BÁT NHÃ PHONG HỀ...

Phiên âm:

Đại trượng phu, bình tuệ kiếm
Bát nhã phong hề kim cang diệm
Phi đàn năng thôi ngoại đạo tâm
Tảo tăng lạc khước thiên ma đằm

Dịch nghĩa:

*Chuôi kiếm tuệ, đại trượng phu nắm lấy
Bát nhã gương, lóe sáng ánh kim cang
Không những xua, sà m sở của "đạo ngoài"*

Làm vỡ mật, bọ thiên ma nhều nháo

---o0o---

TRỰC CHỈ

Tôn chỉ của đạo Phật, có TUỆ là có tất cả. Quả VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ là đỉnh cao tốt của TUỆ. Quả VÔ THƯỢNG NIẾT BÀN là diệu dụng của TUỆ. Trong tam vô lậu học, GIỚI, ĐỊNH là hạt, là cây, là cành, là lá mà TUỆ là hoa, là trái. Tu GIỚI, tu ĐỊNH cốt để có được TUỆ. Hiểu được chân lý đó, người đệ tử Phật chân chính có học Phật, tu hành không sợ làm lạc. Tu GIỚI, ĐỊNH phát sanh TUỆ GIÁC là tu đúng chánh pháp. Gọi là GIỮ GIỚI, gọi là TỌA THIỀN tốn công, khổ luyện, dù phải trải qua mấy mươi năm, mà không sanh TRÍ TUỆ, không có khả năng nhận thức chân lý, tư duy về chân lý, đó là tu sai lầm. Nhọc mệt thân tâm không đem lợi ích luống uổng một đời.

Nói một cách khẳng định rằng, tu hành mà không phát sanh TUỆ GIÁC thì không nên theo pháp đó nữa, vì đã sai lạc pháp tu, trông phải một thứ cây không có hoa trái thì nên chặt bỏ nó đi.

"Đại trọng phu" là người phải nắm cho được cái chuỗi "kiếm tuệ". Phải có khả năng sử dụng "gươm" BÁT NHÃ KIM CANG để "tôi tà phụ chánh", để đối phó ngoại đạo, thiên ma, phải làm cho chúng vỡ mật bay hồn, khiến cho chúng "chích luân bất phản", tấn công chúng "phiến giáp bất hoàn". Để "sử tri Phật giáo ta bà chi hữu chủ"!

Dưới mắt của người chứng đạo, người đệ tử Phật phải bồi dưỡng trí tuệ. Đó là ý nghĩa: DUY TUỆ THỊ NGHIỆP

---o0o---

THI CA 31 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO TRUYỀN BÁ CHÁNH PHÁP LÀ MỘT NHIỆM VỤ CAO CẢ

Phiên âm:

Chấn pháp lôi, kích pháp cổ
Bồ từ vân hệ sái cam lộ
Long tượng xúc đạp nhuận vô biên
Tam thừa ngũ tánh giai tịnh ngộ

Dịch nghĩa:

Vang sấm pháp, gióng lên hồi trống pháp
Bủa mây từ, mưa sương ngọt nơi nơi
Nhuận vô biên, làm "Long tượng" cho trời người
Hạng ngũ tánh, tam thừa đều nhờ và tinh ngộ

---o0o---

TRỰC CHỈ

Tu GIỚI, ĐỊNH, TUỆ để hoàn thành tự giác "Chấn pháp lôi", "Kích pháp cổ", "Bổ từ vân", "Sái cam lộ" là công hạnh hồng pháp để lợi lạc chúng sanh. Đó là "tha giác". Đủ hai hạnh "tự giác", "tha giác" gọi đó là "Giác hạnh viên mãn" là thành bậc Vô Thượng Chánh Giác, thành Phật. Đó là điểm cao tột, cần đạt đến của một tu sĩ Phật giáo.

Người có trí tuệ, có đạo đức, có được sự giác ngộ giải thoát hơn người thường. Kinh điển ví hạng người đó là "Long tượng". "Long tượng" sức mạnh hơn "Hương tượng"...

Là một tu sĩ, trưởng tử Phật, phải học chánh pháp, hành chánh pháp, sống theo chánh pháp và truyền bá chánh pháp. Được vậy, xứng danh một Thích tử, "tác Như Lai sứ", "hành Như Lai sự", đóng vai trò Long tượng, khai rừng, xẻ lối cho chúng sanh, vượt qua rừng vô minh tối tăm nguy hiểm.

---o0o---

THI CA 32 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ MỘT LÀ TẤT CẢ, TẤT CẢ LÀ MỘT

Phiên âm:

Tuyết sơn phỉ nị cánh vô tạp
Thường xuất đề hồ ngã thường nạp
Nhất tánh viên thông nhất thiết tánh
Nhất pháp biến hàm nhất thiết Pháp
Nhất nguyệt phổ hiện nhất thiết thủy
Nhất thiết thủy nguyệt, nhất nguyệt nhiếp

Chư Phật Pháp thân nhập ngã tánh
Ngã tánh đồng cộng Như Lai hợp

Dịch nghĩa:

** Vùng núi tuyết cỏ phì tươi tốt,
Sữa bò thơm sản xuất vị đề hồ
Rất hữu duyên với Phật pháp trên đời
Được thọ dụng, vị đề hồ: chánh pháp
* Trong một tánh, bao hàm hết thấy tánh
Một pháp này, chứa cả chất pháp kia
Một vàng trắng, in bóng khắp sông hồ
Trắng vô số, kỳ thực, một trắng duy nhất
Pháp thân Phật tánh ta không khác
Tánh của ta là Phật tánh, Như Lai.*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Chúng tánh Đại thừa, nhìn vạn pháp qua tư tưởng liễu nghĩa thượng thừa, hành giả sử dụng "tuệ nhãn", họ thấy rất rõ chân lý: "một" là "tất cả". "Tất cả" là "một".

Người chưa có cơ hội nghiên cứu, tu học Đại thừa nghe qua, họ không tiếp thu dễ dàng được, còn nói chi bằng lòng chấp nhận. Muốn tìm hiểu vấn đề "một" là "tất cả" này, trước hết nghiên cứu về chân lý: "vạn pháp duyên sinh" của Phật giáo. "Duyên sinh" nghĩa là vạn pháp không pháp nào đơn độc tự sinh, mà một sự vật nào đó, đều phải kết hợp nhiều yếu tố và điều kiện... Bông hồng không thể tự dựng có ra bông hồng. Trái táo không tự dựng có ra trái táo... Trong trái táo có đất, có nước, có phân xanh, có NPK, có UG, có "bò tạt"... có cả mây đen, ánh nắng, cả mặt trời và còn có hình bóng con người nữa chứ!

Giáo lý MỘT là TẤT CẢ, phải thấy bằng TUỆ NHÃN với một THIÊN TÂM. Không có THIÊN TÂM, không có TUỆ NHÃN sẽ không thấy được sự nhiệm mầu của vạn pháp, của đất trời mà ta đang sinh hoạt.

Vấn đề Pháp thân chư Phật vào trong tâm tánh ta. Tâm tánh ta và Pháp thân cũng vậy. Trong ta có Phật. Trong Phật có ta. Khi ta mê thì ta là ta, ta không là Phật, lúc ta không còn mê, ta đã GIÁC thì ta là Phật, ta không còn

là chúng sinh mê muội tội lỗi nữa. Bởi vì Phật xưa kia, khi còn mê mờ chân lý thì vẫn là một con người, một chúng sanh. Khi chúng sanh GIÁC, tỉnh thức thì không còn là chúng sanh nữa mà là Phật. Thế cho nên:

"Nhất tánh viên thông nhất thiết tánh"

Tánh Phật và tánh chúng sanh không có ranh giới riêng khác, mà chỉ khác ở điểm MÊ và GIÁC.

---o0o---

THI CA 33 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO PHÁP GIỚI NHẤT CHÂN

Phiên âm:

Nhất địa cụ túc nhất thiết địa
Phi sắc phi tâm phi hạnh nghiệp
Nhất thiết số cú phi số cú
Dữ ngô linh giác hà giao thiệp
Đàn chỉ viên thành bát vạn môn
Sát na diệt khước tam kỳ nghiệp

Dịch nghĩa:

* Đất một cõi cùng với đất hằng hà sa cõi
Cõi nhất chân, không sắc cũng không tâm
Cõi như nhau, không CỤU LẠC, TA BÀ
Đất một cõi là đất hằng hà sa cõi
* Danh văn cú... vốn là danh ngôn giả đặt
Linh giác ta nào có dính dáng chi!
Khảy móng tay, tròn đủ tám vạn pháp môn tu
Trong nháy mắt, dứt sạch A tăng kỳ nghiệp chướng

---o0o---

TRỰC CHỈ

ĐỊA có nghĩa là cõi, là cảnh giới. Cảnh giới có loại cảnh giới vật chất, cụ thể như những hành tinh, thiên thể mà các nhà thiên văn học đang khám phá, đang tìm hiểu về sự cấu tạo, hình thành. Cảnh giới nào có thể có sự sống,

cảnh giới nào không... Theo giáo lý Phật dạy, cảnh giới vật chất cụ thể này nhiều lắm, phải dùng thứ ngôn từ vượt ngoài tính đếm để nói: "Hằng hà sa số". Hằng hà sa số đã nhiều vô lượng vô biên A tăng kỳ thế giới"... Cái từ nghe như sâu xa hun hút và ngộp thở ấy, nó nhiều biết chừng nào! Vậy mà, qua cái thấy của người chứng đạo thì tất cả cõi hay cảnh giới đó, gộp lại trong một từ PHÁP GIỚI. Rồi qua sự quán chiếu và tư duy, người chứng đạo đánh giá: NHẤT CHÂN.

PHÁP GIỚI NHẤT CHÂN

Nghĩa là pháp giới cùng chung một bản thể là CHÂN là NHƯ. Không cảnh giới nào ngoài cảnh giới nào, không cảnh giới nào tốt hơn, quý hơn, sướng hơn cảnh giới nào. Vì tất cả đều CHÂN NHƯ, cùng một chất lượng CHÂN NHƯ giống nhau. Do vậy, dưới con mắt tuệ của người chứng đạo:

"Nhất địa cụ túc nhất thiết địa".

Ngoài "cảnh giới" hay "cõi" cụ thể vật chất ấy, còn một thứ "cảnh giới" một thứ cõi lòng, cái thứ "cõi ở lòng" này nó tác động trực tiếp vào cuộc sống của con người. Đây mới là cảnh giới đáng kinh sợ, đáng quan tâm để tu học. Phật TÂM của ta vốn trong sáng, thanh tịnh vốn có, tự thể của Tâm là thể thanh tịnh, trong sáng. Nó là NHẤT CHÂN. Nó không có sầu muộn, ưu tư, khổ vui... gì gì cả. Thế, nó cũng là một thứ:

PHÁP GIỚI NHẤT CHÂN

Vậy mà thực tế, có lúc ta vui, lúc buồn, lúc tham lúc si, lúc không còn muốn sống, thậm chí có người quyên sinh thật.

Thế vui khổ do con người. Ta bà hay Cự lạc do con người.

Cảnh giới thanh tịnh an lành đáng sống hay ô trọc khổ đau không muốn nhìn thấy cõi đời... cũng do con người. TÂM con người thì TÂM ai cũng như TÂM ai, đều là CHÂN NHƯ và cùng một bản thể NHẤT CHÂN PHÁP GIỚI ở lòng ta đó chứ !

Thế là dưới mắt của THIÊN GIA của người chứng đạo. Pháp giới ngoại cảnh hay pháp giới nội tâm đều là:

NHẤT CHÂN PHÁP GIỚI

---o0o---

THI CA 34 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG

Phiên âm:

Bất khả hủy, bất khả tán
Thê nhược hư không vô nhai ngạn
Bất ly đường xứ thường trạm nhiên
Mịch tức tri quân bất năng kiến

Dịch nghĩa:

Tâm TĨNH ĐỊNH, có an lành ngay tại chỗ
Chê hay khen, không giận cũng không mừng
Rỗng như hư không lồng lộng sáng trong
Tìm rồi tự hiểu, không chỉ cho ai thấy được

---o0o---

TRỰC CHỈ

Người thực học, thực tu và chứng đạo thực. Họ có sự an lành giải thoát thực mà người thường khó biết. Kinh điển Phật gọi đó là: "Bất tư nghi giải thoát pháp môn". Họ giải thoát và an lành ngay trong lúc nói, nín, động, tĩnh, ngay khi đi, đứng, ngồi, nằm. Kinh điển Phật gọi qua cái từ: "Bất ly u đương xứ".

Trạng thái an lành, giải thoát đó, là sự biểu hiện của một con người, một THIÊN GIẢ, một tâm hồn đạt đến trình độ NHƯ NHƯ BẤT ĐỘNG, trước ngoại cảnh khen, chê, lợi, suy, hủy, dự...

Yếu tố khiến cho hành giả đạt đến cảnh giới như như bất động ở nội tâm, là phải tư duy, quán chiếu, thấy cho được TÂM THỂ. Tâm thể vốn rỗng rang, thanh tịnh, trong sáng như hư không. Hư không không phải là sự sự vật vật, nhưng hư không không chống cự sự phát huy sinh trưởng của sự vật. Sự vật dù sinh trưởng phát huy trong hư không nhưng hư không vĩnh viễn là hư không thanh tịnh.

Dữ kiện và yếu tố tư duy quán chiếu đó, khiến cho hành giả có được sự tự tại an nhiên.

"Bất khả hủy, bất khả tán"

Hành giả có được cái an vui "bất ly đương xứ"

---o0o---

THI CA 35 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ KHÔNG ĐƯỢC MỚI LÀ ĐƯỢC TẤT CẢ

Phiên âm:

Thủ bất đắc, xả bất đắc
Bất khả đắc trung chỉ ma đắc
Ngô tảo tăng kinh đa kiếp tu
Bất thị đẳng nhàn tương cuồng hoặc

Dịch nghĩa:

*Bỏ không được, lấy lại càng không được,
KHÔNG ĐƯỢC gì, là cái ĐƯỢC của kẻ chân tu
Từ xa xưa, đã nhiều kiếp tôi thực hành
Không ăn xôi, ở suông, nói ra lời dối mị !*

TRỰC CHỈ

ĐƯỢC, MẤT, LẤY, BỎ, THÀNH, BẠI, THÂN, SỞ... là biểu hiện của tâm chấp ngã và chấp pháp, của phiền não, của vô minh. Chúng là nguyên nhân sanh ra vô vàn đau khổ. Một người hành đạo giải thoát, luôn luôn cảnh giác hóa giải nó từ ý niệm ban đầu.

Ở đây tác giả Chứng Đạo Ca Huyền Giác nhắc nhở một điều đơn giản: Không nên ĐƯỢC một thứ ĐƯỢC nào. Mà nên "Được cái KHÔNG ĐƯỢC". Bởi vì cái chân lý "vạn pháp duyên sanh" chi phối hết cả rồi, có pháp nào thật đâu để mà LẤY mà BỎ. Vì vậy, có muốn LẤY, cũng chẳng có gì để lấy. Có muốn BỎ, cũng chẳng có gì để bỏ. Chỉ còn một con đường tỉnh thức của những kẻ chân tu:

"KHÔNG ĐƯỢC ấy, là cái ĐƯỢC của kẻ chân tu"

Mong được Bồ đề Niết-bàn còn không nên, huống chi mong được cái gì khác. Vì Bồ đề, Niết-bàn không phải đối tượng sở đắc. Vì rằng Bồ đề, Niết-bàn là "không hư", nhưng cũng không là "thực pháp". Vào vườn hoa, chỉ chăm chú nhìn một đóa hoa, người đó sẽ không thưởng thức được cái đẹp, thơm của cả vườn bông hoa thơm đẹp.

Chỉ có người không được gì hết, mới là người được tất cả, tất cả những gì trong vũ trụ bao la vô tận.

---o0o---

THI CA 36 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ TỰ TẠI BẤT TƯ NGHÌ

Phiên âm:

Mặc thời thuyết, thuyết thời mặc
Đại thí môn trung vô ủng tắc
Hữu nhân vấn ngã giải hà tông
Báo đạo Ma Ha Bát Nhã lục
Hoặc thị hoặc phi nhân bất thức
Thuận hành nghịch hành thiên mạc trắc

Dịch nghĩa:

* Khi im lặng, mấy kẻ biết: đó là đang nói
Lúc nói nhiều, có ai hiểu: Chẳng nói gì !
Đúng khi cần, sẽ nói mãi, nói tuôn thao
Không trở ngại, không hề vơi cạn ý
* Có người hỏi: cho biết pháp môn tu chứng
Xin thưa rằng: Ma ha bát nhã là Tông
Việc làm ra, lúc như Thị lúc như Phi
Khi như thuận, lúc như nghịch, trời còn khó biết !

---o0o---

TRỰC CHỈ

Thiền sư im lặng nhiều, nói ít. Im lặng cả lúc đi, đứng, ngồi, nằm. Sự thật, thấy vậy mà không phải vậy. Thiền sư là người nói rất nhiều, nói nhiều hơn người thường có thể hàng vạn lần hơn. Bởi vì lục căn của một thiền sư

rất bén nhạy trong việc thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc... Vì vậy, Tâm ý của thiền sư là một cơ quan tiếp thu, phân tích, nhận thức và đánh giá vô số vấn đề bởi lục căn đưa vào. Thuật ngữ gọi đó là "tư duy", "quán chiếu". Cho nên im lặng, thật sự nói rất nhiều. Nói bằng ĐIỀU ÂM, QUÁN THỂ ÂM, nói bằng PHẠM ÂM và HẢI TRIỀU ÂM.

Ngược lại, có lúc người ta thấy thiền sư nói nhiều, nói thoải mái, kể cả cười "kha kha" vang cả vườn rừng. Sự thật, trong thời điểm đó, Thiền sư chẳng nói gì. Chỉ vì muốn cho đẹp lòng mọi người mà nói, mà cười. Nói cười mà lòng thường chua xót, vì đã nói, đã chỉ bày cho chúng sanh những thứ không đáng giá, không đúng ý mà mình muốn tặng cho mọi người về chánh pháp của Như Lai.

Đó là nói rất nhiều, mà như không có nói gì. Thành tựu, thâm nhập cái "lực" của Bát Nhã Ba La Mật, con người có "sức" trí tuệ vượt hơn và khác hẳn hơn với lối hiểu biết qua những khuôn sáo, nghi lễ, cố chấp tầm thường. Do vậy, người thường khó nhận thức đúng việc nói việc làm của người thể nhập "Ma ha Bát Nhã". Cái đúng của Thiền sư, người thường nhìn hành động của Thiền sư, có việc thấy đúng, có việc thấy như sai. Có khi thấy thuận, có lúc thấy trái... tại vì người thường chưa rời "chấp".

Chấp về "tập tục", chấp về "lễ nghi" chấp về "danh ngôn"... Đúng với ý "chấp" của họ thì họ cho THỊ là THUẬN. Trái với ý "chấp" của họ thì họ bảo PHI là NGHỊCH. Cho nên, Thiền sư phải là người:

*"Hoặc THỊ hoặc PHI nhân bất thức
Thuận hành, nghịch hành thiên mạc trắc"*

---o0o---

THI CA 37 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VỀ TÂY THIÊN TỬ' THẤT, ĐÔNG ĐỘ NHỊ TAM

Phiên âm:

Kiến Pháp tràng lập tông chỉ
Minh minh Phật sắc tào Khê thị
Đệ nhất Ca Diếp thủ truyền đăng
Nhị thập bát đại tây thiên ký
Pháp đông lưu nhập thủ độ
Bồ Đề Đạt Ma vi sơ tổ

Lục đại truyền y thiên hạ văn
Hậu nhân đắc đạo hà cùng số

Dịch nghĩa:

* Dụng cờ pháp, lập ra tông chỉ
Ý của Tào Khê, y lời Phật bảo ban
Sự truyền đăng, ngài Ca Diếp đứng đầu
Xét lịch đại, hai tám đời sử Tây Thiên ghi rõ
* Khi chánh Pháp truyền sang Đông Độ
Bồ đề Đạt Ma sơ tổ tông Thiên
Truyền sáu đời y bát để làm tin
Người đắc đạo đời sau không đếm hết

---o0o---

TRỰC CHỈ

**"NIỆM HOA ĐÓN NGỘ THỪA ĐƯƠNG LINH
THỨU CHẤN TÔNG PHONG
Y BÁT CHÂN TRUYỀN VĨNH KẾ HUỲNH
MAI HƯNG ĐẠI ĐẠO"**

Đọc hai câu đối trên gọi trong trí độc giả về truyền thừa chánh pháp của đức Phật qua hai giai đoạn lịch sử ở hai quốc gia: Ấn Độ và Trung Hoa.

*"Pháp bốn vô pháp pháp
Vô pháp pháp diệt pháp
Kim phó vô pháp thời
Pháp pháp hà tăng pháp"*

Đó là lời phó chúc của Phật truyền bảo cho ông Ca Diếp về "cách nhìn vạn pháp" trong suốt quá trình tu tập. Thế là ông Ca Diếp lãnh sứ mệnh "tục diệm truyền đăng" để rồi người đời sau gọi ông là SỞ TỔ truyền thừa chánh pháp ở Ấn Độ. Người ta gọi ông Ca Diếp là "sơ tổ" phái "thiên tông" là nói sai rồi, đừng có nghe mà phải học:

*"Đệ nhất Ca Diếp thủ truyền đăng
Nhi thập bát đại Tây thiên ký..."*

Hai mươi tám đời tiếp tục hoằng truyền chánh pháp ở Ấn Độ thời đó.
Danh sách dưới đây:

1. Tổ Ma Ha Ca Diếp
2. Tổ A Nan
3. Tổ Thương Na Hòa Tu
4. Tổ Ưu Ba Cúc Đa
5. Tổ Đề Đa Ca
6. Tổ Di Da Ca
7. Tổ Bà Tu Mật
8. Tổ Phật Đà NAN ĐỀ
9. Tổ Phục Đà Mật Đa
10. Tổ Hiếp Tôn Giả
11. Tổ Phú Na Dạ Xa
12. Tổ Mã MINH
13. Tổ Ca Tỳ Ma La
14. Tổ Long Thọ
15. Tổ Ca Na Đề Bà
16. Tổ La Hầu La Đa
17. Tổ Tăng Già NAN ĐỀ
18. Tổ Già Da Xá Đa
19. Tổ Cưu Ma La Đa
20. Tổ Xà Dạ Đa
21. Tổ Bà Tu Bàn Đầu
22. Tổ Ma Noa La
23. Tổ Hạc Lặc Na
24. Tổ Sư Tử
25. Tổ Bà Xá Tu Đa
26. Tổ Bất Như Mật Đa
27. Tổ Bất Nhã Đa La
28. Tổ Bồ Đề Đạt Ma

Kinh sách Phật thường gộp chung trong một từ Hán, nói theo toán học là "Tây thiên tứ thất". Sau đây, ta tìm hiểu về "Đông độ nhị tam" qua thi ca:

*"Pháp đông lưu nhập thử độ
Bồ đề Đạt Ma vi sơ tổ
Lục đại truyền y thiên hạ văn
Hậu nhân đắc đạo hà cùng số"...*

Khi Phật pháp sang đông độ, tức Trung Hoa, thì Bồ đề Đạt Ma là người đem chánh pháp của đức Phật đầu tiên truyền bá ở Trung Hoa. Người sau gọi Bồ đề Đạt Ma là "Sơ Tổ". Tiếp theo là "Lục đại truyền y", nghĩa là sáu đời tiếp theo vẫn còn giữ cái truyền thống truyền trao y bát để làm "chứng tín" cho vai trò và nhiệm vụ kế thừa cho đến đời sau là Lục Tổ Huệ Năng.

Dưới đây là danh sách "Lục đại truyền y".

1. Tổ Bồ Đề Đạt Ma
2. Tổ Huệ Khả
3. Tổ Tăng Xán
4. Tổ Đạo Tín
5. Tổ Hoằng Nhãn
6. Tổ Huệ Năng

---o0o---

THI CA 38 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO QUA VẤN ĐỀ CHÂN VỌNG HỮU VÔ

Phiên âm:

Chân bất lập vọng bản không
Hữu vô câu khiến bất không không
Thập lục không môn nguyên bất trước
Nhất tánh Như Lai thể tự đồng

Dịch nghĩa:

* Chân không thực, lấy chân đâu để lập?
Vọng không CHÂN, tìm vọng ở nơi nao?
Có và KHÔNG, xóa sạch chớ để lòng
Có không thật, KHÔNG không hoàn toàn rỗng
* Mười sáu môn (1), gọi là KHÔNG, không dính dáng
Chư Như Lai cùng chứng thể tịch nhiên này

---o0o---

TRỰC CHỈ

Bước vào đạo Phật, học đạo, hành đạo, người ta thường quan tâm về CÓ, KHÔNG, TỘI, PHƯỚC, THIÊN, ÁC và cao hơn một bậc là vấn đề CHÂN VỌNG.

Người ta hướng về những gì gọi là CHÂN và mong mỗi tìm cầu CHÂN, tha thiết muốn CHÚNG được cái gọi là CHÂN ấy. Đã thích CHÂN thì người ta cũng rất sợ VỌNG. Họ bảo rằng: "Tu hành phải tĩnh tâm, quán chiếu tâm thường xuyên để mà DIỆT VỌNG. Chừng nào DIỆT HẾT VỌNG thì được CHÂN và sẽ chứng nhập CẢNH GIỚI CHÂN NHƯ... có được Niết-bàn !"

Lý lẽ đó, người học Phật chưa sâu, khó tìm thấy chỗ "phi chân lý". Cho nên có thể có rất nhiều người thích nghe thứ giáo lý "thùng rỗng kêu to" như vậy.

Qua cái thấy của người chứng đạo:

CHÂN không thật, lấy CHÂN đâu để lập?

CHÂN không tự thể, lấy gì để LẬP cái gọi là CHÂN? Đối với VỌNG thì:

"VỌNG không CHÂN, tìm VỌNG ở nơi nao?"

VỌNG không CHÂN nghĩa là tự nó không có thực thể thì lấy gì để DIỆT?

Thấy được vấn đề VỌNG CHÂN không tự thể, hành giả sẽ "rãnh" hết những ý niệm TRỪ và DIỆT. Ý niệm CẦU và CHÚNG hành giả trở thành "nhàn đạo nhân".

Vấn đề CÓ, KHÔNG cũng vậy. CÓ là CÓ cái gì? KHÔNG là KHÔNG cái gì? Người chứng đạo không hề phủ nhận sự hiện diện của vạn pháp mà cũng không khẳng định vạn pháp là CÓ theo kiểu thấy thông thường.

Người chứng đạo xóa sạch hết ý niệm CÓ, KHÔNG. Vì CÓ, không tự thể đó là CÓ mà không. KHÔNG, không tự thể nhưng không phải vĩnh viễn KHÔNG như sừng thỏ lông rùa. Hiểu chân lý đó hành giả không còn quan tâm vấn đề CÓ và KHÔNG.

HỮU VÔ CẦU KHIỂN BÁT KHÔNG KHÔNG

Người đạt đạo không những không vướng mắc vào một thứ không mà hai không, ba không... cho đến mười lăm không, mười sáu... thứ không cũng đều không vướng mắc. Tất cả chư Như Lai thành tựu quả vị của mình cũng từ sự thể nhập chân lý thanh tịnh rỗng rang vô trụ vô trước ấy.

---o0o---

THI CA 39 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO TÂM PHÁP CĂN TRẦN

Phiên âm:

Tâm chệ căn, Pháp thị trần
Lưỡng chủng du như cảnh thượng ngân
Ngân cầu tận trừ quang thị hiện
Tâm Pháp song vong tánh tức chân

Dịch nghĩa:

* Tâm chủ động, nảy sinh nhiều thọ tướng
Gọi là CĂN, vì hay sinh chi mạt quả hoa
Pháp là sơn lâm, là đại địa giang hà
TRẦN là BỤI, vì chúng có thể làm nhiễm ô tâm tánh
* Căn TRẦN ấy, chỉ là thứ bụi mờ trên kính
Bụi lau rồi, thể gương sáng hiện ra
TÂM vốn KHÔNG, CẢNH vốn TỊCH tự bao giờ
Tâm vắng lặng, Cảnh trở thành CHÂN NHƯ thanh tịnh

---o0o---

TRỰC CHỈ

CĂN có sáu: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Đó là cơ quan để cho sáu thức tâm vương biểu hiện thông qua sáu căn ấy.

TÂM được biểu hiện ra sáu công dụng: Đó là tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc và biết.

THỨC tâm Y căn mà biểu hiện. Căn là chỗ sở y của thức tâm, cho nên TÂM không ngoài sáu căn. Sáu căn không ngoài TÂM: TÂM là CĂN vậy.

PHÁP tóm chung có sáu dạng, đó là: sắc, thanh, hương vị, xúc và pháp. Sáu món này đại biểu cho tất cả hiện tượng vạn hữu trước mắt ta. Tánh của chúng vốn không nhiễm ô, nhưng vì chúng mà sáu căn của con người có thể nhiễm ô cho nên gọi chúng là TRẦN. TRẦN không ngoài các pháp, các pháp là những dữ kiện sanh ra TRẦN. PHÁP là TRẦN vậy.

CĂN và TRẦN vừa là nguyên nhân, vừa là kết quả sanh khởi phiền não vô minh. Nguồn gốc của mọi nguyên nhân đau khổ. Nhưng truy nguyên, chúng chỉ là một thứ "huyền hư" không tự tánh. Đối với tâm tánh trong sáng, rỗng rang thanh tịnh của con người, chúng chỉ là thư bụi bặm phủ trên thể gương sáng mà thôi. Bụi lau rồi thì thể sáng tự khắc hiện ra.

TÂM con người, theo giáo lý Phật, từ xưa đến nay thể của nó vốn trong sáng rỗng rang thanh tịnh. Cảnh bên ngoài, sắc, thanh, hương, vị, xúc... tánh của chúng vốn lặng lẽ và vô tình, nào có gây nguyên nhân đau khổ cho ai! Hành giả hồi quan phản chiếu nhận lấy TÂM KHÔNG vốn có, nhận biết CẢNH TỊCH vốn vậy, hành giả sẽ? iễn ly được vọng tâm đắm nhiễm sai lầm chân lý trong cuộc sống hàng ngày. Bây giờ hành giả sẽ sống trong "chân tâm thường trú", sống trong "thể tánh tịnh minh" vốn có của mình.

"TÂM PHÁP song vọng tánh tức chân".

Và hành giả với tâm trạng an nhiên thanh thoát ngâm nga:

*"... Căn Trần ấy chỉ là bụi bờ trên kính
Bụi lau rồi gương sáng hiển hiện ca
Tâm vốn không, cảnh vốn tịnh tự bao giờ
Tâm vắng lặng, cảnh là bầu trời thanh tịnh"*

---o0o---

THI CA 40 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO NỖI ƯU TỰ VỀ PHÁP NHƯỢC MA CƯỜNG

Phiên âm:

Ta mặt pháp! Ác thời thế!
Chúng sinh phước bạc nan điều chế
Khứ thánh diêu hề tà kiến thâm
Ma cường pháp nhược đa oan hại
Văn thuyết Như Lai đốn giáo môn

Hận bất diệt trừ như ngỏ toái

Dịch nghĩa:

*Ôi! Mạt pháp, cõi đời nhiều trước ác
Những chúng sinh phước mỏng khó dạy răn
Cách Phật lâu xa, tà kiến nặng sâu dần
Chánh pháp yếu, ma quân mạnh, gây nhiều oan hại
Nghĩ chánh pháp của Như Lai Đôn Giáo
Tiếc! Chưa được trừ tà kiến vụn nát như ngói tan!*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Phật pháp là CHÁNH PHÁP. Chánh pháp vô thi dĩ chí vô chung, không có MẠT gì cả. Cũng như LỬA vô thi đến nay đã nóng, đang nóng, dĩ chí vô chung LỬA sẽ mãi mãi là nóng. Khái niệm "mạt pháp" thuộc khái niệm nhận thức của tâm linh. Văn nhi tư, tư nhi tu một cách tinh tấn dũng mãnh đem lại hiệu quả như ý một trăm phần trăm, gọi đó là "thời kỳ chánh pháp". Nghe mà không suy nghĩ, nghe hời hợt, qua loa chiếu lệ, tin càn, mù quáng, có tu mà ít có người đạt đạo. Người ta gọi là "tượng pháp". Chữ "tượng" có nghĩa là "na ná" giống như tu dữ lắm, nhưng vì tu sai chánh pháp cho nên không đem lại kết quả. "Mạt" là ngọn, là sự cuối mùa, gió vẫn còn lai rai, nhưng không sập nhà được nữa. Sầu riêng còn bán, nhưng sượng ngắt chẳng ra gì...

Sự tu hành của những tâm trạng lơ mơ, có hình thức, thân, khẩu, ý chẳng tu sửa, chẳng trau dồi, trí tuệ chẳng mở mang. Ở chùa chỉ làm cái việc thỉnh chuông ngày hai buổi, kinh kệ ê a rên rỉ vài lần. "Đạo nghiệp bất cần, công quả vô nhân khắc tự". Tóm lại, Pháp ở nội tâm của người "mạt", không phải chánh pháp của Phật có "mạt".

Chánh pháp trong lòng "mạt" thì ta sẽ là người ở trong "cõi đời nhiều trước ác", nghĩa là ta sẽ không có được sự an lành, thanh thoát, tự tại trong cuộc sống, gọi đó là "ác thời thế". MA ở lòng ta "cường", Phật pháp ở lòng ta "nhược". Ta không thương nhớ Phật, không tỉnh thức, trí tuệ bị vùi lấp bởi vô minh, cho nên sự hiểu biết sai quấy, mê tín dị đoan, duy tâm siêu hình... gọi chung là "tà kiến" ở lòng ta ngày càng sâu nặng nó làm cho tâm hồn, cuộc sống của ta quá nhiều phiền muộn khổ đau.

Khi tình cờ nghe đọc, nhớ chánh pháp Như Lai về "Đốn Giáo" bừng tỉnh ra, thì ta nhận ra rằng: Rừ lâu nay, cuộc sống của mình bị vô minh tà kiến dẫn dắt đi "lầm đường". Giờ này tỉnh ngộ, đồng dục, đường hoàng thoát:

"Nghe chánh pháp của Như Lai về Đốn Giáo

Tiếc! Chưa được trừ tà kiến vụn nát như gói tan!"

---o0o---

THI CA 41 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO TÂM LÀ ĐỘNG CƠ TẠO NGHIỆP

Phiên âm:

Tác hại tâm, ương tại thân
Bất tu oan tố cánh vưu nhân
Dục đắc bất chiêu vô gián nghiệp
Mạc báng Như Lai chánh pháp luân

Dịch nghĩa:

*Dấy khởi niệm, dữ lành TÂM chủ động
Nghiệp hiện hành, THÂN chịu hậu quả kia
Chớ trách ai, đừng đổ lỗi oan khiên nào!
Nghiệp vô gián, muốn tránh xa hãy tu học Như Lai chánh pháp.*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Đạo Phật chú trọng TÂM, Ý, THỨC. Tâm, ý, thức gọi có ba tên khác nhau là tùy theo diệu dụng biểu hiện ở môi trường, ở vị trí và hoàn cảnh khác nhau mà TÂM là then chốt. TÂM là chủ động cho mọi hành vi và ngôn ngữ biểu lộ trong cuộc sống hàng ngày. Không ai thấy được TÂM, nhưng người ta có thể biết được tâm của mình, kể cả tâm của người khác.

TÂM có thể xây dựng cho con người những quả phúc an lành. Trời, thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát thậm chí địa vị Như Lai Vô thượng Bồ đề. Ngược lại, Tâm cũng tạo cho con người quả khổ gớm ghê như: địa ngục, nga

quỷ, súc sanh mà con người mang chịu ngay trong cuộc sống trên cõi đời này.

"Tác tại tâm, ương tại thân"

Dấy khởi niệm dữ làm tâm là chủ. Nghiệp thiện, ác hiện hành ra thân miệng. Nếu hậu quả là xấu, tội lỗi thì thân mang chịu khổ đau. Với chân lý nhân quả trong đạo Phật, hành động thiện hay ác của mình làm, mình thọ lấy hậu quả khổ hay vui, không ai, cũng không do sự oan khiên thù hận của ai đó đem gán ép cho ta được, dù là của "thân linh, thánh hiền" của những tâm hồn nhẹ dạ cả tin.

Dựa trên chân lý NHÂN QUẢ, mọi người có thể xây dựng cho mình một thế giới an vui, hạnh phúc, tự tại, khinh an, giải thoát giác ngộ Niết-bàn tịnh lạc... Muốn làm được việc đó đừng phi báng chánh pháp của Như Lai mà phải học chánh pháp, hành theo chánh pháp và phải sống theo chánh pháp ngay bằng với giáo lý của THỪA mà mình tu học hành trì. Giáo lý Phật có "ngũ thừa", như năm công ty du lịch sẵn sàng đón đưa khách gần xa, tùy số tiền và ý muốn của khách hàng mua vé đi du lịch vậy. Thiện, ác do tâm. Vui khổ do Tâm...

"Chớ trách ai, đừng đổ lỗi oan khiên nào

Nghiệp vô gián muốn tránh xa hãy tu học Như Lai chánh pháp".

---o0o---

THI CA 42 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO VUI BẰNG CÁI VUI CỦA CHÍNH MÌNH

Phiên âm:

Chiên đàn lâm vô tạp thọ
Uất mật sum trầm sư tử trụ
Cảnh tĩnh lâm nhàn độc tự du
Tâu thú phi cầm giai viễn khứ

Dịch nghĩa:

Rừng cây quý, thuần chiên đàn không tạp
Sư tử vương, một mình trụ chốn thâm u

*Cảnh sơn lâm tịch mịch tự nhàn du
Loài cầm thú tầm thường đành cao bay xa chạy hết.*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Người có ý chí, quyết đi con đường giải thoát, giác ngộ, tự lập chí, tạo cho mình một hoàn cảnh sống, một thú vui riêng, một môi trường tiêu khiển và giải trí không giống với cách tổ chức, các sinh hoạt của những bậc phong lưu, những hàng quý phái giàu sang trong xã hội.

Tác giả Chứng Đạo Ca phác họa cách tự vui của mình: Vui với cảnh thâm u, tịch mịch, vui với cây cỏ núi rừng, quanh quẽ cô liêu. Rồi người tu sĩ rảo bước theo mé suối chân rừng, khi nhìn cảnh chiều tà ác vàng vừa khuất núi, lúc thưởng thức trăng thanh gió mát; khi thiền định dưới cội tùng xanh; lúc quán chiếu sự mâu nhiệm về chân lý duyên sinh của vạn tượng sum la muôn hồng nghìn tía.

Người tu sĩ không có thì giờ nhiều trong việc thù tạc vãng lai, tiếp nhân sử sự và thường tự nhủ:

"... Thường độc hành, thường độc bộ..."

Người tu sĩ đâu có dễ tìm "Đạt giả để đồng đư..." thôi thì"

*"Điệu cổ thân thanh...
Mạo tụy cốt cang nhân bất cố".*

---o0o---

THI CA 43 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO CHÁNH GIÁO, TÀ GIÁO CÓ GIÁ TRỊ RIÊNG CỦA NÓ

Phiên âm:

Sư tử nhi chúng tùy hậu
Tam tuế tiện năng đại hao hồng
Nhược thị giả can trực Pháp vương
Bách niên yêu quái hư khai khẩu !

Dịch nghĩa:

*Giống sư tử, sinh ra con, nòi sư tử
Ba tuổi năm, gầm rung chuyển núi rừng xanh
Bầy chó hoang, vờn theo gót đấng Pháp vương
Trăm năm sủa, vẫn là tiếng "gâu gâu" đáng ghét !*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Sư tử con vẫn là giống nòi sư tử, ba năm tuổi đã biết gầm. Sư tử mà gầm thì rung chuyển cả núi rừng, vang dội khắp hang sâu động hiểm.

Chó hoang, chó chóc dù có lớn tuổi gấp năm, gấp bảy lần sư tử đi nữa, chó chóc vẫn là chó chóc. Dù chó chóc sủa suốt trăm năm, sủa vua, sủa đấng Giác ngộ, sủa Phật vẫn là tiếng chó chóc, sủa chẳng có chút giá trị nào mà còn chói tai những ai nghe chúng sủa.

Tác giả Chứng Đạo Ca vạch ra rằng: Giá trị của Chánh pháp vô cùng vĩ đại. Chánh pháp đánh thức những ai còn mê mộng, chìm đắm trong sông ái biển mê. Chánh pháp réo gọi những khách phong trần đang say mê lợi danh vật dục. Chánh pháp phá tan những tà thuyết mê tín dị đoan, hoang đường, ảo tưởng của những tâm hồn yếu đuối, nhẹ dạ cả tin. Chánh pháp là ngọn đuốc sáng hướng dẫn cho ai đã lạc lối lầm đường, có điểm tựa để quay trở lại con đường quang minh chánh đại. Kinh điển Phật thường ví chánh pháp của Phật nói như tiếng gầm của sư tử.

"... Ba tuổi năm gầm rung chuyển núi rừng xanh..."

Những tà giáo, phi chánh pháp dù có tuyên truyền rao giảng trải nhiều tháng năm, tốn nhiều công sức cũng không đem lại lợi ích cho ai. Tệ hơn nữa, những tà giáo ấy nhuộm bản tâm hồn trong trắng của những người có tâm lành, có lòng tin, lẽ ra phải trong sáng.

Chó dù sủa vua, vẫn là tiếng chó sủa. Suốt trăm năm cũng vẫn là tiếng "gâu gâu" của chó chóc, không vì sủa lâu năm mà tiếng chó chóc tăng thêm giá trị.

"... Bầy chó hoang vờn theo gót đấng Pháp vương
Trăm năm sủa vẫn là tiếng "gâu gâu" đáng ghét!"

---o0o---

THI CA 44 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO KHÔNG ĐEM PHÁP CỨU CẢNH DIỄN RA PHƯƠNG TIỆN

Phiên âm:

Viên đốn giáo vật nhân tình
Hữu nghi bất quyết trực tu tranh
Bất thị sơn tăng sinh nhân ngã
Tu hành khủng lạc đoạn thường khanh

Dịch nghĩa:

*Pháp Viên Đốn, thuyết phải là trực thuyết
Ai hoài nghi, mời tranh luận phân minh
Không tự tôn "thầy núi" để lờ đời
Chấp Nhân Ngã dễ rơi vào hố sâu THƯỜNG ĐOẠN.*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Giáo lý của đạo Phật có nhiều tư tưởng hệ: Thông giáo, biệt giáo, đốn giáo, viên giáo... Có hệ giáo lý khế cơ không khế lý. Có hệ giáo lý; khế lý không khế cơ. Người thuyết pháp phải biết vận dụng "tứ tất đàn". Lúc nào vận dụng "thế giới tất đàn". Lúc nào chỉ phải nói "đệ nhất nghĩa tất đàn" mà không được vận dụng...

Người nói pháp "đủ bản lĩnh" ứng cơ tiếp vật. Người nghe pháp cũng phải thành thật mà nghe và phản quán, tự đặt mình thuộc đối tượng nào? Thừa nào trong ngũ thừa? Giáo nào trong ngũ giáo? Chủng tánh nào trong ngũ chủng tánh?

Khi thuyết về Đốn Giáo, pháp sư không nên vận dụng, hạ thấp thành giáo lý "khế cơ" để đáp ứng cho sông đông người. Giáo lý Đốn Giáo dành cho người "Đại thừa", có chủng tánh Đại thừa nghe và tu học lợi ích rất lớn. Tuy nhiên, pháp sư có thể bị công kích, phán đối, thậm chí hủy báng... Nếu gặp

trường hợp như thế, thì pháp sư hãy "mời để thảo luận, trao đổi" hy vọng, cởi mở mỗi nghi của riêng ai đó. Phần Pháp sư phải giữ lập trường:

*"Viên đốn giáo vật nhân tình"
"Thuyết pháp Viên đốn phải là trực thuyết"
"Ai hoài nghi, mời tranh luận phân minh..."*

Có lẽ tác giả Chứng Đạo Ca cũng đã nếm mùi cay đắng trong những tháng năm "tiếp nhân xử sự" trong quá trình hành đạo thuyết pháp rồi.

*"Bất thị sơn tăng sinh nhân ngã
Tu hành khủng lạc đoạn thường khanh
Không tự tôn, thầy núi để lòi đời
Chấp nhân ngã dễ rơi vào hố sâu Thường Đoạn".*

Quả là lời thiết tha như khẩn khoản và "xuống nước" vì sự nói thẳng về pháp Viên Đốn của mình. Tác giả Chứng Đạo Ca nói rằng mình rất sợ sự tự cao, ngã mạn, vì hành động đó dễ rơi vào Chấp Thường Đoạn. Điều mà tác giả không dám làm và không bao giờ làm !

---o0o---

THI CA 45 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO ĐÚNG VÀ SAI CỦA TỤC ĐẾ KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ CHẤN THẬT

Phiên âm:

Thị bất thị, phi bất phi
Sai chi hào ly thất thiên lý
Thị tắc long nữ đốn thành Phật
Phi tắc thiện tinh sanh hãm trụ

Dịch nghĩa:

* Gọi là **THỊ**, không tương mạo lấy chi làm chuẩn!
Bảo rằng **PHI**, không có chuẩn, biết cứ vào đâu?
Ngạn ngữ rằng: "nhân mà sai suyển một ly
Thì quả sẽ, lệch mục tiêu... vạn dặm"
* Dựa nhân quả, quyết định **SAI** hay **ĐÚNG**
Nhân tốt lành, hoa quả mới sum sê
Rõ là sai, Thiện tinh, con Phật đọa A tỳ...

Chắc chắn đúng, Long nữ, chúng Bò-đề trong nháy mắt.

---o0o---

TRỰC CHỈ

THỊ có nghĩa là đúng, phải. PHI có nghĩa là sai, quấy. Có thể nói THỊ, PHI là vấn đề chót lưỡi đầu môi của mọi người trong cuộc sống hàng ngày. Tất cả mọi người đều có thể tưởng rằng vấn đề THỊ PHI là việc tầm thường cho nên ai cũng có quyền nói THỊ hoặc nói PHI. Ai cũng có quyền khen tặng hay phê phán kẻ khác một cách dễ dàng. Người được khen tặng, tăng bốc rất dễ bằng lòng, đắc chí. Người bị phê phán, chê bai rất dễ thối chí nản lòng thậm chí đâm hoang mang, sợ sệt.

Dưới mắt của người Chứng Đạo, không phải vậy. Được khen hay bị chê đều phải cân nhắc, phải sử dụng lý trí, nhận xét khách quan vấn đề. KHEN, ai khen? CHÊ, ai chê? Người khen là hạng người nào? Người chê là hạng người nào? Dựa trên tiêu chuẩn nào để khen, chê, để nói đúng, nói sai. Sự thật, THỊ và PHI không ai tìm ra được hình mạo, dáng vẻ của thị phi. Vậy thì vấn đề thị phi không phải dễ đánh giá, dễ nói trên đầu môi chót lưỡi mà người ta tưởng là ai cũng có thể nói phê phán ĐÚNG, SAI dễ dàng.

Cái thấy của người Chứng Đạo: THỊ PHI không có dáng vẻ nhìn mạo, nó không có cái "tướng thực" cho nên trên cõi đời không có nhiều người đủ tư cách, có trí tuệ, chân chính, sự xét đoán mới đáng tin cậy. Cao hơn một bậc, người tu sĩ phải dựa trên chân lý NHÂN QUẢ để làm chuẩn cho THỊ và PHI. Lời nói, việc làm đem lại hậu quả lợi lạc thật sự, an ổn thật sự, hạnh phúc thật sự và giải thoát thật sự. Lời nói, việc làm đó là THỊ. Ngược lại, dù có tán thán, có tăng bốc qua cửa miệng của đa số người cùng bào chuốt, ngợi khen, dưới cái thấy của người chứng đạo, đó vẫn là PHI.

*"... THỊ tắc Long nữ đốn thành Phật
PHI tắc Thiện tinh sanh hãm trụ..."*

---o0o---

THI CA 46 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO GIÁ TRỊ CỦA TU SĨ LÀ HÀNH GIẢ KHÔNG LÀ HỌC GIẢ

Phiên âm:

Ngô tảo niên lai tích học vấn
Diệc tăng thảo số tâm kinh luận
Phân biệt danh tướng bất tri hữu
Khước bị Như Lai khổ ha trách
Sổ tha trần bảo hữu hà ích
Nhập hải toán sa đồ tự bì
Tùng lai tăng đấng giác hư hành
Đa niên ủng tác phong trần khách

Dịch nghĩa:

** Trong quá khứ, tôi mang danh nghe nhiều học rộng
Từng dịch kinh, giải luận bấy lâu nay
Phân biệt danh ngôn, nghĩa thú chữa tinh tường
Như Lai quả: chỉ là người đếm bạc
* Vào kho bạc, đếm không công vô ích
Cát biển mênh mong, tính số để mà chi !
Hiểu biết suông, lăm học vị có ra gì !
Lặng nặng mãi, chỉ là khách phong trần nổi trôi
Theo dòng năm tháng.*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Văn nhi tư, tư nhi tu là tiến trình, một hệ thống học tu trong đạo Phật. Thông thường, giáo lý kinh điển Phật dạy: Tu phải học. Học hiểu chân lý, để phân biệt đầu tà, đầu chánh, đầu chân, đầu ngụy, thế nào là Đại, thế nào là Tiểu, thế nào là Thiên, thế nào là Viên. Cho nên người ta ví: Học như đôi mắt, tu như hai chân. Muốn đi đến đích nhờ hai chân khỏe mạnh đã đành nhưng nếu không có đôi mắt sáng thì đôi chân khỏe cũng không thỏa mãn được sự mong cầu đến đích. Đại Trí Văn Thù và Đại Hạnh Phổ Hiền, hai vị Bồ-tát được biểu trưng cho giáo lý TRI HÀNH trong đạo Phật. Tri hành hợp nhất, chắc chắn đường tu sẽ thành công viên mãn.

Qua cái thấy của người chứng đạo, tri chưa sâu sắc tinh tường, chưa được hành, hoặc tri mà không hành chỉ làm "đau lòng Phật" sẽ bị Phật quả trách cho: Ràng vào biển đếm cát, vào kho đếm bạc không công, là việc làm của người không thực tế trong cuộc sống, làm những việc vô ích ấy, ai khen. Rốt cuộc, "nhất đán vô thường..." Ngoảnh nhìn lại cuộc đời những năm tháng

trôi qua thì chính mình chỉ là khách phong trần dày gió dạn sương, trôi nổi theo dòng thời gian, năm tàn tháng lụn không đem lại cho bản thân một sự an lạc nào!

Trên bước đường tu học theo đạo Phật, "Hành giả" mới đem lại sự an lạc, giác ngộ, giải thoát cho người tu sĩ. Học giả, học để trích cú tầm chương, chỉ là người phân biệt danh ngôn, lãng mạn hơn, đem sở học biến thành trò tiêu khiển: "ngâm phong vịnh nguyệt". Bí quyết của sự tu hành, của sự giải thoát, giác ngộ, của sự nhận thức chân lý với cách nhìn vạn pháp thì nói rặc những thứ bọt bèo, bìa chéo, rẻ rề!...

Cái nhìn của người chứng đạo, tác giả Chứng Đạo Ca, KHÁT SĨ mới quý. Thạc sĩ, tiến sĩ chỉ quý ở thế gian và với thế gian mà thôi. Trong đạo Phật không quý văn bằng, học vị. Thời Phật tại thế, Phật dạy cho những người ngoại cấp, không học vị văn bằng vẫn thành công trong giải thoát giác ngộ. Ở Đông độ, Lục Tổ Huệ Năng được người đời kính quý tôn thờ... cũng chẳng văn bằng học vị.

Thảo nào tác giả Chứng Đạo Ca tự trách:

"Ngô tảo niên lai..."

---o0o---

THI CA 47 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO CHỪNG TÁNH TÀ, CĂN TÁNH HẠ LIỆT, KHÓ HỌC, HÀNH VÀ CHỨNG ĐẠO

Phiên âm:

Chứng tánh tà, thố tri giải
Bất đạt Như Lai viên đốn giáo
Nhị thừa tinh tấn vật đạo tâm
Ngoại đạo thông minh vô trí tuệ
Diệc ngu si, diệc tiểu ngãi
Không quyền chỉ thượng sinh thực giải
Chấp chỉ vi nguyệt ủng thi công
Căn cảnh pháp trung hư niết quái

Dịch nghĩa:

** Tà chủng tánh, thường hiểu sai chánh giáo
Pháp ĐỐN VIÊN; Như Lai dạy khó tiếp thu
Kém đạo tâm, tinh tấn, ấy Nhị thừa
Hàng ngoại đạo, thông minh, không trí tuệ
* Còn một hạng ngu si ấu trĩ
Nhìn ngón tay, cho đã thấy trăng rồi
Phí công tu, vì hiểu biết quá ngây thơ
Căn và cảnh, họ biết mơ hồ, như người bệnh lòa đôi mắt.*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Giáo lý của đạo Phật về "bình đẳng môn" thì tất cả chúng sinh là Phật, tất cả chúng sinh sẽ thành Phật. Tuy nhiên về "sai biệt môn" thì căn cơ chủng tánh là tiêu chuẩn, thước đo để đoán định sự thành công sớm hay muộn trên con đường đi đến đích giác ngộ giải thoát. Người có chủng tánh ngoại đạo khó tiếp thu giáo lý liễu nghĩa thượng thừa. Họ là người theo cái đạo "câu bên ngoài" trông chờ ỷ lại nơi sự giúp đỡ, che chở của tha nhân, của quý thần, của những đấng... họ đặt niềm tin mà không bao giờ kiểm chứng được.

Giáo lý Viên Đốn, người chủng tánh Đại thừa, những bậc tối thượng lợi căn mới có thể tiếp thu tốt. Hàng chủng tánh Nhị thừa Thanh văn, Duyên giác, đức tinh tấn thì tốt nhưng chưa đủ trí tuệ để tư duy, quán chiếu tinh tường giáo lý Viên Đốn. Còn nói chi hạng tiểu căn cơ, trí tuệ thô thiển phương tiện và cứu cánh lộn sòng: Nhìn nắm tay mà cho rằng đã bắt được hư không thật.

Trên đường tu, căn cơ, chủng tánh, trí tuệ không có thì sự tu hành rất khó thành công, phương tiện và cứu cánh không nhận thức cho rõ ràng lấy phương tiện làm cứu cánh thì mục tiêu giác ngộ giải thoát không bao giờ có được. Không nhận thức được chất thanh tịnh bản nhiên của CĂN và CẢNH khiến cho căn cảnh trở thành một thứ nguyên nhân khổ đau tai họa.

Sự thật, CĂN CẢNH nào có tình gì ! Chỉ vì sự tiểu căn, thiển trí không tiếp thu nổi Đại thừa Viên Đốn của Như Lai cho nên giống như tu nhiều, cần khổ tinh tấn cả cuộc đời mà không thọ dụng được quả an lạc giải thoát giác ngộ !

---o0o---

THI CA 48 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO CĂN CẢNH SONG VONG LÀ PHẬT

Phiên âm:

Bất kiến nhất pháp tức Như Lai
Phương đặc danh vi quán tự tại
Liễu tức nghiệp chướng bốn lai không
Vị liễu ung tu hoàn tức trái

Dịch nghĩa:

* Bằng Phật nhãn, CẢNH CĂN là huyễn
Đã huyễn rồi, còn thực được nữa sao ?
Chánh quán sâu, trong hành trụ... từ oai nghi
Trong mọi lúc, đó gọi là "Quán tự tại"
* Giác là hết, còn chi vay với trả
"Nghiệp" tánh không, tìm hình mạo sao ra?
Chỉ vì mê thấy "Có trả có vay"
Ai cho vay nghiệp ? Ai là người vay nghiệp.

---o0o---

TRỰC CHỈ

Hiện tượng sum la, muôn hồng nghìn tía vạn biệt thiên sai trước mắt, nhìn bằng cái nhìn của nhục nhãn thì không ai có thể phủ nhận được điều đó. Qua con mắt của người chứng đạo, CĂN CẢNH đều là một thứ pháp "duyên sinh". Mà duyên sinh thì không có cái "Tự ngã", cái "thực thể". Thế cho nên:

"Bằng Phật nhãn CẢNH CĂN là huyễn

Đã huyễn rồi, còn thực được nữa sao ?"

Với Phật nhãn, thấy tất cả, mà như không thấy gì hết "như không thấy gì hết", vì thấy tận tường "thực tướng" của vạn pháp là vô tướng.

Phật, theo giáo lý của đạo Phật, không phải là cái ông gì ghê gớm lắm đâu. Phật là người, một con người khác hơn nhiều người ở chỗ nhìn vạn

pháp mà "không thấy một pháp nào" Phật, sự thật chỉ có vậy. Người nào có khả năng như vậy, người đó là Như Lai, là Phật. Địa vị Phật trong Phật giáo không phải địa vị độc tôn dành riêng cho "một ông Phật nào" hay "một tập đoàn Phật" ở một cõi nước thanh tịnh xa xôi nào. Người nào có được "chánh quán niệm" thường xuyên liên tục, giữ được cái trong sáng, cái thấy, thấy tận tường thực tướng của vạn pháp, gọi đó là "Quán tự tại".

Theo cái thấy của người chứng đạo, tác giả Chứng Đạo Ca "Quán tự tại" không là một con người mà là "một pháp Quán" được liên tục thường xuyên không bị tạp niệm vọng tưởng xen vào.

TỘI TÁNH BỒN KHÔNG, thì cái gọi là nghiệp chướng cũng không có được thực. "... Ngũ uẩn phù hư không khứ lai". "Tam độc thủy bào hư xuất một" ... Cho nên:

*"Giác là hết có chi vay với trả
"Nghiệp tánh không, tìm hình mạo sao ra ?
"Chỉ vì mê, thấy có trả có vay
"Ai cho vay nghiệp, ai là người vay nghiệp ?*

---o0o---

THI CA 49 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO TỘI TÁNH BỒN KHÔNG. THIỀN NGAY CÔI DỤC

Phiên âm:

Cơ phùng ngọc thiện bất năng xan
Bệnh t? vương chằm đặc ta !
Tại dục hành thiền tri kiến lực
Hỏa trung sanh liên chung bất hoại
Dũng thí phạm tội ngộ vô sinh
Tảo thời thành Phật ư kim tại

Dịch nghĩa:

*Đói gập cổ không ăn sao no được !
Bệnh trốn thầy (lương y) mong được lành sao
Sức thiền sâu, ở cõi dục vẫn hành
Sen trong lửa, tốt tươi mới là mẫu nhiệm !*

*Thầy Dũng Thí, lỡ phạm vào tội trọng
Giác ngộ rồi, thành Phật có sao đâu !*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Giáo lý của đạo Phật dạy rằng: Là một con người, tự mình định đoạt số phận mình không ai thay thế sắp xếp định đoạt số phận mình không ai thay thế sắp xếp định đoạt cho mình được. Cải tạo và xây dựng là hai mặt tích cực, con người dựa vào đó mà quyết định hướng đi và nơi đến của đời mình. Không cải tạo, đào thải, gạn bỏ vô minh phiền não, không xây dựng đức tánh từ, bi, hỷ, xả bồi dưỡng phước đức, trí tuệ thì địa vị Hiền thánh, quả Bồ đề, Niết-bàn không ai ban cho ta được.

Đói phải ăn mới no được. Tiệc của vua chiêu đãi, không ăn vẫn đói. Bệnh phải uống thuốc mới lành, tránh thầy, trốn thuốc, bệnh không lành được. Học chánh pháp, phải hành theo chánh pháp mới đem lại kết quả giác ngộ, giải thoát thật sự. Đối với chánh pháp không dám nghe, không để tâm suy nghĩ, không hành thì không hy vọng gì ở nơi sự giúp đỡ bất cứ từ đâu đến.

*"Kim sanh tiệm tu quyết đoán,
Tưởng liệu bất do biệt nhân..."*

TẠI DỤC HÀNH THIÊN TRI KIẾN LỰC. Dưới mắt của người chứng đạo, tu sĩ cần có nghị lực, có trí tuệ sắc bén đủ sức CẢI TẠO TẠI CHỖ, phiền não vô minh, chuyển phiền não thành Niết-bàn. Chuyển sinh tử thành Bồ-đề ngay nơi cõi Ta bà ở trong CÔI DỤC. Đó là điều người tu sĩ, đệ tử Phật phải làm và làm được. Người hành thiên không cần trốn tránh, không cần xa lánh phiền não vô minh, tìm một nơi, một cõi nào đó "thanh tịnh" để Thiền. Sen mọc từ bùn mà không hôi tanh mùi bùn mới là màu nhiệm. Sen mọc trong biển lửa sắc màu vẫn tươi nhuận, càng màu nhiệm hơn !

TẠI DỤC HÀNH THIÊN TRI KIẾN LỰC !

Vấn đề TỘI PHƯỚC:

*"Tội là chi, phước lại là chi
Đa mang chi hai danh tự vô nghi
Ai bắt tội ? Ai là người chịu tội ?"*

Theo giáo lý Đại thừa liễu nghĩa:

"Tội tánh bốn không"....

---o0o---

THI CA 50 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO THẬT TÁNH CỦA TỘI LÀ KHÔNG CÓ TÁNH GÌ

Phiên âm:

Sư tử hồng vô úy thuyết
Thâm ta mêng đồng ngoan bì đát
Chỉ tri phạm trọng chướng Bồ đề
Bất kiến Như Lai khai bí quyết

Dịch nghĩa:

*Phật thuyết pháp vạch ra đường vô úy
Thật đáng thương cho người tìm yếu, óc già suy
Chỉ biết run ! Sợ phạm tội, chướng Bồ đề !
Mà không biết, bí quyết Như Lai đã mở... ?*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Người đệ tử Phật, đọc bài thi ca này phải giữ chánh niệm không được phóng tâm buông lơì cảnh giác về "Thừa", về "Giáo", về "Tất đàn", về "chủng tánh". Phải tự soát lại tư tưởng và nhận định về kiến thức của mình.

Giáo lý Đại thừa phải nhận thức bằng tư tưởng đại thừa của người chủng tánh Đại thừa.

Dem nhận thức, tư tưởng và chủng tánh không phải Đại thừa để mong đáp ứng thỏa mãn ý muốn là điều không thể có.

Tư tưởng Đại thừa:

*"Tội tông tâm khởi tông tâm diệt
Tâm nhược diệt thời, tội diệt vong"*

Với nguồn tư tưởng vôi vôi như vậy không phải căn cơ chủng tánh nào cũng bằng lòng tiếp thu. Vì vậy, phải tận trọng khi đọc và tìm hiểu nguồn tư tưởng Đại thừa!

---o0o---

THI CA 51 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO TỘI TỪ TÂM KHỞI TỪ TÂM DIỆT

Phiên âm:

Hữu nhị Tỳ Khuru phạm dâm sát
Ba ly huỳnh quang tặng tội kiết
Duy ma đại sĩ đốn trừ nghi
Du như hách nhật tiêu sương tuyết

Dịch nghĩa:

*Giới dâm sát có hai thầy phạm phải
Ưu Ba Ly, khủng bố xử "đoạn đầu" !
Lòng hoang mang, tặng sợ hãi của hai sư
Duy Ma Đại sĩ, trừ nghi sạch như sương tan trong nắng sớm.*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Tiếp ý bài thi ca 50, nói về vấn đề PHẠM GIỚI, mắc tội được giải quyết theo quan điểm và tư tưởng của Đại thừa.

Thi ca 51 này, hai Tỳ-kheo phạm cùng một tội danh và cùng một tội trạng. Thế mà, Ưu Ba Ly thượng thủ xử hai thầy phải tội trọng, tội "đoạn đầu", "khí", tức là tội phải đuổi khỏi Tăng đoàn khát sĩ, không được làm Tỳ-kheo, không cho tu nữa.

Đại sĩ Duy Ma Cật thay mặt cho hai Tỳ-kheo "kháng án" và nhân danh Đại thừa tư tưởng, phát huy Đại thừa chủng tánh của hai thầy, Đại sĩ Duy Ma Cật xử hai thầy "trắng án". Vì lẽ 'TỘI TÁNH BỒN KHÔNG'... rõ ràng:

*"Ba Ly huỳnh quang tặng tội kiết
Duy Ma Đại sĩ đốn trừ nghi*

Du như hách nhật tiêu băng tuyết".

Ưu Ba Ly xử "đoạn đầu" là xử theo Tiểu thừa tư tưởng. Duy Ma Đại sĩ xử "trắng án" là xử theo Đại thừa tư tưởng và phát huy Đại thừa chủng tánh vốn có trong hai thầy Tỳ-kheo ấy.

---o0o---

THI CA 52 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO CÔNG ĐỨC BỒ THÍ PHÁP VÔ GIÁ

Phiên âm:

Bất tư nghi giải thoát lực
Diệu dụng hằng sa dã vô cực
Tứ sự cúng dường cảm từ lao
Vạn lượng huỳnh kim diệt tiêu đắ
Phấn cốt thoái thân vị tức thù
Nhất cú liễu nhiên siêu bách ức

Dịch nghĩa:

* *Lực giải thoát nghĩ bàn sao cho hết
Cát sông Hằng sánh diệu dụng chưa tà
Thọ cúng dường khỏi sợ, khỏi từ nan
Vàng vạn lượng, còn chưa cân xứng!*
* *Thân dù nát, xương tan như bột
Dâng cúng dường, chưa đủ để đền ơn
Huống hồ chi tứ sự bình thường
Nghe chánh pháp dứt sạch vô vàn nghiệp chướng*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Giúp cho người của cải vật chất chỉ cứu được ngặt, không cứu được nghèo. Họa hoạn một đôi khi có cứu thoát được nghèo nhưng không cứu khổ được khổ. Khổ, khó cứu. Bao nhiêu người chết oan, chết ức, chết tức, chết tươi chỉ vì khổ, không phải ngặt nghèo. Có rất nhiều trường hợp ở trong cảnh ngặt nghèo mà người ta không hề khổ.

Giúp cho người chánh pháp, khiến cho người hết khổ. Từ hết khổ là điều kiện rất cần để tiến tới hết ngặt, hết nghèo. Đó không phải là điều khó hiểu. Đạo Phật chủ trương cứu khổ là mục đích chính. Cứu nghèo là khuyến khích tiến lên. Bởi vì nghèo, ngặt người ta vẫn có thể có hạnh phúc, an lạc, tự tại, khinh an thậm chí giác ngộ, giải thoát được. Ở trong cảnh lầu son, gác tía, vàng ngọc đầy rương vẫy mà xưa nay biết bao nhiêu người không hề có an lạc, hạnh phúc... trong cảnh "phù hoa" ấy.

Của cải vật chất có chăng, chỉ đem lại cho con người sự an vui mong manh, tạm bợ trong hiện tại. Chánh pháp của Như Lai, ban cho người thọ dụng sẽ có được an vui vĩnh cửu, vui Niết-bàn, vui bất diệt bất sinh. Đó là ý nghĩa:

*"... Lực giải thoát nghĩ sao cho hết
Cát sông Hằng sánh diệu dụng không tà..."*

Giáo lý Phật dạy cho biết: Tài thuộc ngũ gia. Của cải vật chất có thể là nguyên nhân đau khổ cho chính những ai tham lam cất chứa nó. Đây cũng không phải chuyện khó thấy, khó hiểu. Thế cho nên, người làm cái việc PHÁP THÍ nói chánh pháp rồi động viên cổ vũ mọi người cùng với mình sống trong chánh pháp. Làm được việc đó, phước đức vô lượng vô biên. Đó không phải đại ngôn mà là sự thật. Bởi vì làm được điều đó, tức là mình và người đều đạt đến mục đích, đến đỉnh cao của kiếp sống con người. Làm được vậy, vấn đề "tứ sự cúng dường" và thọ dụng tứ sự cúng dường không còn gì đáng ngại mà khỏi lo sợ "nợ nần", "vay trả" để rồi phải "từ nan".

Cổ Nho còn nói:

*"Huỳnh kim thiên lượng vị vi quý
Đắc nhân nhất ngữ thắng thiên kim
Thiên kim dị đắc
Hảo ngữ nan cầu..."*

---o0o---

THI CA 53 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO ĐỊA VỊ PHẬT LÀ ĐỊA VỊ MỘT PHÁP VƯƠNG KHÔNG LÀ ĐẲNG SIÊU NHIÊN, SIÊU NHÂN, TOÀN NĂNG

Phiên âm:

Pháp trung vương tối cao thắng
Hằng sa Như Lai đồng cộng chứng
Ngã kim giải thử Như Ý châu
Tín thọ chi giải giai tương ứng

Dịch nghĩa:

*Vua các Pháp bậc tối tôn tối thắng
Chư Như Lai đồng chứng địa vị này
Như ý châu tôi vừa phát hiện hôm nay
Ai tin nhận, cùng nhau chung thọ dụng*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Là môn sinh tử đệ của Phật, cần phải hiểu Phật. Phật không bao giờ bằng lòng cho ai tôn xưng mình là ĐÁNG SIÊU NHIÊN SIÊU NHÂN gì hết. Phật bằng lòng và rất bằng lòng khi người ta hiểu Phật chỉ là một con người. Và chỉ khác hơn con người ở chỗ: Phật là con người đã phát huy trí tuệ đến mức tận cùng cao tột của trí tuệ. Đạt đến đỉnh cao tột của trí tuệ, có khả năng nhận thức chân lý một cách viên mãn, không còn một sai lầm nhỏ, một tí xú mù mờ. Trạng thái tỉnh thức, sáng suốt đó, người ta gọi là GIÁC NGỘ. Cho nên, Phật bằng lòng khi người ta hiểu Ngài là một GIÁC GIẢ. Bậc "Giác Giả" nhận thức chân lý, nhận thức về lẽ sống của con người rất viên mãn, cho nên Phật không hề có sai lầm. Vì không sai lầm chân lý cho nên Phật có sức tự chủ với lục căn, tự tại với lục cảnh, trừ bỏ hết vô minh bao phủ của lục trần, vậy thôi. Vì sức tự chủ, tự tại đối với vạn pháp cho nên Phật cũng bằng lòng khi đệ tử gọi mình với đức hiệu PHÁP VƯƠNG, là vị đạo sư VUA ĐỐI VỚI CÁC PHÁP.

Mười phương Như Lai cùng chung một thứ quả vị giống nhau như vậy. Mười phương chư Như Lai cũng chẳng phải là thứ ông gì ghê gớm như nhiều người hiểu lầm về Như Lai Phật.

Tác gia Chứng Đạo Ca nói rằng: Những điều tôi trình bày trong đây là ý tứ của Phật của kinh, tôi chỉ "Bảo châu Như ý" của chư Như Lai có, các bạn cũng đã có sẵn trong các bạn. Nếu các bạn đồng ý về giáo lý bình đẳng tuyệt đối này thì bạn cũng như tôi, chúng ta cùng thọ dụng bình đẳng, về Phật tánh bình đẳng vốn có trong tất cả mọi người. Vì Phật là một con người, bạn cũng là một con người, thì cái gì Phật có, bạn cũng sẽ có. Hãy luôn luôn nhớ rõ:

PHẬT CHỈ LÀ MỘT BẠC PHÁP VƯƠNG

---o0o---

THI CA 54 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO BẢN NGUYỄN VẠN PHÁP MỘT THỂ NHẤT CHÂN

Phiên âm:

Liễu liễu kiến vô nhất vật
Diệc vô nhơn diệc vô Phật
Đại thiên sa giới hải trung âu
Nhất thiết thánh hiền như điện phát
Giả sử thiết luân đánh thượng triền
Định tuệ viên minh chung bất thất

Dịch nghĩa:

*Thấy rất rõ không hề có thật vật
Cũng không người, không có Phật Trời chi !
Cõi đại thiên như bọt biển nổi chìm...
Hiền vói Thánh ! Như những tia điện nhoáng
Dù vành sắt, niềng đầu mà xoay xác
Trong mọi thời, định tuệ tôi vẫn sáng tròn*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Trước mắt người chứng đạo, thấy vạn vật không có thật vật, thấy người không thật người, thấy Hiền Thánh không thật có Hiền Thánh và Phật cũng không có Phật. Đại thiên thế giới nhiều như cát sông Hằng, cũng chỉ như thứ bọt bèo hữu cùng nổi chìm, sanh diệt ở trên mặt nước biển vô cùng, nghĩa là cũng không có thật Đại thiên sa giới... Người chứng đạo, nhìn vạn pháp qua cái thấy của tuệ nhãn. Cái thấy của người chứng đạo là kết quả của một quá trình tu tập quán chiếu tư duy, thiền định lâu dài. Cho nên cái thấy của người chứng đạo nhìn thủng các lớp màn vô minh chấp mắc bao vạn đời kiếp của con người, thấy được cái THỰC TƯỚNG của vũ trụ vạn hữu là "tướng duyên sinh" mà có. Có bằng cái có của "duyên sinh". Nhân duyên còn hòa hợp thì còn gọi là sinh. Khi nhân duyên chia ly thì gọi là diệt. Dưới cái thấy của Tuệ nhãn, vạn pháp CÓ mà không thực có. Vì nó không có cái tự ngã

chân thật của riêng nó. Nhưng người chứng đạo, cũng không hoàn toàn phủ nhận rằng vạn pháp là KHÔNG, vì vạn pháp không phải trống không, vĩnh viễn không như không của sừng thỏ lông rùa.

Hiền Thánh, Trời Phật tư duy cho sâu sắc, quán chiếu cho tinh tường chân lý, người ta sẽ hiểu tất cả những từ để xưng gọi các địa vị tôn quý đó, cũng chỉ là danh ngôn giả lập mà ra. Hiền thánh là ai ? Trời là ai ? Phật là ai ? Tất cả địa vị ấy, danh xưng tôn quý ấy đều từ một con người. Dựa vào tiêu chuẩn giác ngộ chân lý trọn vẹn hay chưa mà "ước định" cấp bậc và gán cho cái danh xưng ấy. Mà danh xưng giả lập thì cũng chỉ một dạng "duyên sinh như huyễn" của vạn pháp ở trong vạn pháp.

Do vậy, trước cái thấy của người chứng đạo là: KHÔNG CÓ THẬT VẬT và KHÔNG CÓ THẬT TẤT CẢ.

---o0o---

THI CA 55 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO CHÂN LÝ THÌ KHÔNG BAO GIỜ THAY ĐỔI

Phiên âm:

Nhật khả lãnh nguyệt khả nhiệt
Chúng ma bất năng hoại chân thuyết
Tượng giá tranh vanh mạn tiền đồ
Thùy kiến đường lang năng cự triệt

Dịch nghĩa:

Trăng có nóng ! Mặt trời dù có lạnh !
Lũ ma quân khôn xuyên tạc chân lý này
Thốt xe voi, đổ dốc tiền lì lì
Bày bộ ngựa, chống xe sao cho nổi

---o0o---

TRỰC CHỈ

Áng văn 288 câu dệt thành tác phẩm THI CA CHỨNG ĐẠO, thuần chất liệu tư tưởng Đại thừa VIÊN ĐÓN. VIÊN ĐÓN GIÁO VẬT NHÂN TÌNH. Tác giả Chứng Đạo Ca đã tiên liệu một cách chắc chắn rằng sẽ có rất nhiều

người, rất nhiều tập đoàn tập thể, họ cũng mệnh danh là đạo này, đức nọ, phê đây phán kia, đối với nguồn tư tưởng liễu nghĩa Đại thừa. Thi ca số 55 này tác giả khẳng định lập trường và tư tưởng của mình một cách quyết liệt.

*"Trăng có nóng ! Mặt trời dù có lạnh !
Lũ ma quân khôn xuyên tạc chân lý này".*

"Chân lý" được cô đọng trong 288 câu của tác phẩm Chứng Đạo Ca là chân lý Liễu nghĩa Đại thừa, cho nên lũ ma quân làm sao có khả năng, làm sao có trí thức nào khác đủ sức để mà xuyên tạc mà đối thoại.

Đối với hạng người không "tri kỷ tri bỉ..." đọc lôm bôm vài quyển sách loại "tiền nào của nấy"... mà khoa môi, múa, mép, cải cối cải chày thì tác giả nghiêm khắc:

*"Thớt xe voi, đồ đốc tiền từ từ...
"Lũ bọn ngựa chống xe sao cho... nôi !"*

---o0o---

THI CA 56 - CÁI THẤY CỦA NGƯỜI CHỨNG ĐẠO GIÁO LÝ ĐẠI THỪA DÀNH CHO CĂN CƠ VÀ CHỦNG TÁNH ĐẠI THỪA

Phiên âm:

Đại tượng bất du ư thổ kính
Đại ngộ bất câu ư tiểu tiết
Mạc tương quản kiến báng thương thương
Vị liễu ngô kim vị quân quyết

Dịch nghĩa:

*Voi vĩ đại, không đi đường ngoằn ngoèo của thỏ
Đại ngộ rồi, không câu chấp những nhỏ nhen
Nhìn trời xanh, qua ống, thấy được bao nhiêu trời?
Chưa hiểu rõ, tôi sẽ vì chư quân mà chỉ rõ.*

---o0o---

TRỰC CHỈ

Đường đi của thỏ, nhỏ hẹp ngoằn ngoèo, luồn qua lách lại theo hốc đá kẽ cây. Vì vậy, chỉ có thỏ, đi theo con đường của thỏ. Voi thì đi đường thênh thang rộng lớn, có lúc chà đạp cây rừng, hất văng đá khối để mở lối đi cho mình.

Ở Việt Nam có thiền sư Quảng Nghiêm, từng đồng dục nói lên ý nghĩ táo bạo, tràn đầy chất liệu đại thừa:

*"Nam nhi tự hữu xung thiên chí
Hưu hướng Như Lai hành xứ hành"*

Là trọng phụ, hãy nuôi chí lớn, khai đường mở lối mà đi, đừng dõng theo dấu chân của Như Lai để bước. Hãy nhắm đích để mà đến. Còn đi bằng phương tiện gì, phát xuất từ hướng nào, việc ấy không cần câu nệ. Đến như những lễ nghi bề ngoài có tánh khách sáo, những tập quán thờ phượng, cúng bái, khẩn nguyện, van xin theo kiểu tín ngưỡng của một tôn giáo tầm thường, dưới mắt người chứng đạo, tất cả là "tiểu tiết". Bậc Đại ngộ không chấp nhận những thứ đó trong chánh pháp.

"Đại ngộ bất câu ư tiểu tiết"

Có nghĩa là những tập quán, lễ nghi hình thức rườm rà vặt vãnh ấy không hợp chánh pháp, người đại ngộ không làm. Dù có trái ý nghịch lòng với một số bạn đồng song, pháp lữ đồng sàng dị mộng, bậc đại ngộ vẫn cam lòng chấp nhận. Bởi vì, nhìn trời qua những điều kiện khác nhau thì nhận biết về trời cũng không sao đồng nhau được. Cho nên bậc đại ngộ, phải thấy bằng cái thấy của mình, biết rằng cái biết của mình. Nếu phải nói, thì lời nói ra phải bằng ngôn từ ý tứ của chính mình.

"Vị liễu ngô kim vị quân quyết" ---o0o---

---o0o---

PHỤ LỤC THI CA

1

Ai có biết !

*Bậc tuyệt học vô vi nhàn đạo
Vọng không trừ, tưởng chẳng cầu chân
Tánh của vô minh và Phật tánh không hai
Phật tánh ấy ! Chính là thật tánh của vô minh đấy !
Thân ảo hóa với Pháp thân cũng vậy
Ảo hóa thân là hiện tượng của Pháp thân
Biển Pháp thân ví: bản thể vô cùng
Thân ảo hóa tựa sóng mồi lao xao trên mặt nước
Nhận thức rõ hai thân pháp hóa (1)
Chợt tỉnh ra rằng: "vạn pháp giai không"
Tánh thiên chân là thật tánh của mình
Mình là Phật vốn là thiên chân Phật
Thân ngũ uẩn chỉ là phù vân tụ tán
Hợp rồi tan trong vũ trụ bao la
Sự diệt sanh, sanh diệt vô cùng
Nó hiện hữu với thời gian vô tận
Gọi tam độc, thực tánh không hề độc
Ví như bọt bèo sanh diệt huyễn hư
Hễ u mê thì tam độc hoành hành
Bằng tỉnh thức không sao tìm được chúng*

2

*Chúng "thật tướng" thấy rõ cõi đời "vô tướng"
Vô tướng đồng với "vạn pháp giai không"
Tướng PHÁP, NHƠN mà còn chẳng có gì,
A tỳ nghiệp vì gì mà hiện hữu
Đấy lẽ thật, đấy lời nói thật
Nói cho mình và hy vọng đến với ai kia
Không có ý chi đối gạt phỉnh phờ
Được phép thế ! Dù thề độc cũng xin cam nhận.*

3

*Thoắt chúng nhập NHƯ LAI thiên định
Vạn hạnh tròn mà lục độ cũng châu viên
Còn mộng mơ thấy có sáu nẻo luân hồi
Khi tỉnh thức cõi Ta bà tìm không ra dấu vết*

4

Tội là chi, phước lại là chi?
Đa mang chi hai gánh nặng như chì !
Ai bắt tội ! Ai là người chịu tội ?
Thiện là chi, ác cũng lại là chi ?
Sợ làm chi hai danh tự vô nghi !
Sợ cái đáng sợ ! Lương tâm tự hành hạ lấy
Gương lòng sáng, xưa nay ta vốn có
Mặc cho bụi mờ vĩnh viễn chẳng quan tâm
Ngày hôm nay có cơ hội lau chùi
Sáng soi thấy, "phước" và "tội" không ai ban ai phạt !

5

Ai là người thường ước mơ vô niệm
Ai là người hằng mong đạt đến vô sanh
Vô niệm vô sanh là ước mơ cuồng vọng hảo huyền
Rất oan uổng ! Hóa đá một kiếp người tràn đầy linh động
Để trắc nghiệm, xin hỏi "ông Robot" người máy
Quả Bò đê ! Bao năm tháng nữa, ông thành ?
Hỏi là hỏi vậy thôi, hỏi tức trả lời
Ai can đảm, đủ sức chờ ông giai đáp.

6

Thân tứ đại đừng sanh tâm chấp đắm
Quay trở về thể vắng lặng của chính mình
Đói thì ăn, khát uống ngại ngừng chi !
Gọi là Ngã thể, vẫn hư thì đời còn chi thật
Các hành pháp, luật vô thường chi phối hết
Tuệ nhãn nhìn đương thể tức không
Hiểu sâu xa, quán chiếu tận nguồn chân
Tánh của vạn pháp, là Như Lai Viên Giác

7

Nếu được nói tôi lập trường thẳng thẳng
Để tỏ ra, lời của một chân tăng
Huynh đệ nghe, nghịch ý chẳng chung lòng
Gay gắt trách, tôi xin cam nhận hết
Tôi không thích ba hoa vật vãnh
Thích học điều, Phật tổ đã định ninh
Diễn rõ căn nguyên "liễu nghĩa thượng thừa"
Không được vậy, tôi không còn gì để nói

8

Tâm trong sáng người người ai cũng có
Nó là Ma Ni là Như Ý Bảo Châu (1)
Chẳng mấy ai, biết rõ cái tâm này
Nó màu nhiệm, thu gọn cả Như Lai tàng tánh (2)
Sáu thần dụng, thấy sắc mà phi sắc (3)
Một viên quang, rằng không nhưng lại phi không (4)
Nghĩa sắc không, màu nhiệm vô vùng
Chúng "thật tướng", mới nghi này mới mở hết

9

Tịnh ngũ nhãn, sẽ kéo thâm ngũ lực
Chung môi trường mới biết được diệu dụng kia
Rủ giành trăng, đáy nước... chuyện còn khuya !
Đứng trước kính, ngắm thân hình là việc dễ !

10

Tôi chấp nhận cô đơn trên đường đạo
Vui một mình, vui theo nhịp bước chân đi
Tôi những mong có pháp lữ chung lòng
Cùng tiến bước vào Niết-bàn thường lạc
Không như ý, tôi nguyện làm người cô lỗ
Sống theo mình, sống với gió mát trăng thanh
Dù xương trơ, thân đét, thịt teo gầy
Không ân hận, tôi vui với lập trường kiên định ấy

11

Người Thích tử với danh xưng BẢN ĐẠO
Thân có BẢN, ĐẠO có BẢN chi !
BẢN biểu hiện áo khâu áo vá
ĐẠO không BẢN, tâm chứa NHƯ Ý châu (1)
Ngọc NHƯ Ý, dùng sao cho hết
Nó chứa đầy TỬ TRÍ (2), TAM THÂN (3)
Vẹn LỤC THÔNG, BÁT GIẢI (5) cùng tròn
TÂM địa sáng (6) độ sanh vô cùng số.

12

Rồi tất cả, khỏi tu không cầu chứng
Đó là hạng Đại thừa, Thượng sĩ tối lợi căn

*Diệt KIẾN TU diệt sạch hết CÁI TRIỀN
Rồi tất cả, mà khỏi để tâm tu chứng
Bậc Trung hạ, những căn cơ thấp kém
Học thì nhiều, học trích cú tầm chương
Luôn mồm khoe, học vị với văn bằng
Cởi áo bán, còn không biết đường mở nút !*

13

*Tốt và xấu nhà nhà đều có,
Thị với phi, chón chón "hương" đồng nhau
Mặc tâng khen, mặc phỉ báng, đừng nao
Họ tự bồng, bằng ngọn lửa đốt trời trong tay họ
Lời phỉ báng, nghe như ru, như gió thoảng
Ngọt như cam lồ, mát tợ xuân phong
Tìm đâu ra ! Bực bội với u sầu ?
Nó tan biến trong cảnh giới "bất tư nghi" giải thoát.*

14

*Lời si nhục ta nghe ra răn dạy
Người dạy ta là thiện tri thức của ta
Nhờ ân sư mà đạo lực kiên cường
Lòng thánh thiện, ta thọ dụng vô vàn an lạc
Câu hủy báng, ta không quan tâm để dạ
Kết oan cừu nào có lợi chi
Để chứng minh sức TỪ, NHẪN vô sanh (1)
Hãy mở rộng cửa lòng bao la như biển*

15

*Chánh giáo giỏi, thuyết giáo hẳn là sâu sắc
Định tuệ tròn, sẽ không vương CÓ và KHÔNG
Không riêng tôi, có được sự kiện này
Hằng sa Phật, ĐỒNG THỂ không ngoài chân lý ấy*

16

*Tiếng PHÁP chánh, tợ tiếng gầm sư tử
Bách thú nghe, như vỡ óc xé tim gan
Lời NHƯ LAI, lời vô úy trong trời người
Hương tượng khiếp, còn nói chi nai và chó chóc*

17

Tôi đi khắp núi, sông, rừng, duyên hải
Để tâm sư, hỏi đạo, học tham thiền
Cho đến ngày, tôi tiếp nhận chỉ thú TÀO KHÊ
Sự sanh tử, chẳng đáng gì để tâm dính dáng

18

Tu THIÊN tọa, không chỉ ngồi mới "tọa"
Thiên cả đi, khi đứng lúc cần nằm
Dẫu gươm đao dọa dẫm vẫn bình tâm
Phải độc được, cố giữ lòng thanh thản

19

Việc sinh tử kể sao cho cùng số
Tử rồi sinh, sinh tử lừng lò trôi
Bốn sư ta vô lượng kiếp phát tâm lành
Làm tiên nhân nhục, tu hành từ thời NHIÊN ĐẮNG cổ Phật

20

Vào rừng thăm, trụ am thanh tĩnh tịch
Dưới cội tùng, bên gộp đá bóng râm che
Làm tăng quê, vui sâu trong tĩnh tọa, trong êm đêm
Cánh lặng lẽ, an lành sao nói hết...

21

Giác là hết, chẳng cần tu với chứng !
Pháp hữu vi nhiều lắm kể sao cùng
Bố thí ra, lòng chấp phước sanh thiên
Lúc phước hết, sinh lại cuộc đời không như ý
Nhu tên bắn, xé hư không bay vút
Sức môn rồi, tên rớt biết về đâu !
Sao bằng ta, thẳng tiến "Thật Tướng Môn"
Nhảy một nhảy, đến ngay vùng đất Phật

22

Cần ôm góc, quan tâm chi cảnh ngọn
Góc vững rồi, cảnh ngọn sẽ sum sê
Nhu lưu ly, thu hết ánh trăng vàng
Sáng vàng vạc, sáng mơ màng, châu lưu ly thu trọn vẹn
Cũng như thế, tâm ta là châu Như Ý
NHƯ Ý châu, giá trị lớn vô cùng

*Tỉnh thức rồi, với THƯỜNG TRÚ CHÂN TÂM
Dùng tự lợi, dẫu lợi tha đời đời không bao giờ hết*

23

*Trăng vắng vắng, lung linh vờn đáy nước
Gió ngọn tùng, nghe như cật vấn lương tri
Cảnh đêm thanh, trăng sáng: Đã làm gì ?
Rằng, Phật tánh, giới châu tôi in sâu vào tâm địa
Tôi lấy cả ráng mây, làm màu áo
Lấy mù mai, sương sớm để làm màn
Vui trăng sông, tùng núi, gió vi vu
Ôm Phật tánh, giới châu làm bạn đường chung chẵn gối*

24

*Gậy đuôi cọp, đến nay còn chứng tích
Bát thu rồng, của Lục Tổ hãy còn lưu
Thấy vật xưa, như gặp lại người xưa
Nhìn kỹ vật, để nhủ lòng thêm tinh tấn
Cầm tích tượng, tưởng như nắm trong chân lý
Tứ diệu đề với thập nhị duyên sinh...
Tượng của Như Lai là biểu tượng của "bản tạng"
Chân đạo sĩ, chớ nên nghĩ: đó là HƯ SỰ !*

25

*Chân đạo sĩ chẳng cầu chân bỏ vọng
Vốn biết rằng: Chân, vọng không có gì !
Bảo rằng KHÔNG, nhưng không được hiểu NGOAN KHÔNG
Rằng là CÓ, mà không nói là THỰC CÓ
Nhận thức rõ, "Như Lai chân thật tướng"
Sắc là không, không là sắc, bất tương ly
Chân lý duyên sanh, một đạo lý nhiệm màu
Nhìn "đương thể" SẮC là KHÔNG, KHÔNG là SẮC*

26

*Gương tâm sáng, rõ soi không ngăn ngại
Thoát ngộ rồi thu hết thể giới hăng sa
Vạn tượng sum la, là ảnh hiện của tâm này
Có TUỆ GIÁC, "trong" "ngoài" không ranh giới*

27

*Kẻ thiên trí, chủ trương: RÕNG TUẾCH
Cõi đời KHÔNG, NHÂN QUẢ cũng KHÔNG
Khù khờ thay ! Một hiểu biết đáng thương !
Rước tai họa cho bản thân mà không hay biết
Kẻ chấp CÓ bị khổ đau vì CÓ
Người chấp KHÔNG sẽ đau khổ bởi KHÔNG
Tránh lửa thiêu, đâm đầu chạy nhảy sông
Khỏi chết nóng, chết lạnh cũng là một cách chết !*

28

*Bỏ tâm vọng. Vọng tìm không có
Chân lý tìm. Chân lý biết ở đâu ?
Sai lầm ngay trong ý niệm BỎ, TÌM
Loi cảnh giác, tưởng con mà là giặc!*

29

*Công đức giảm, pháp tài sa sút mãi
Thầy đều do: TÂM, Ý, THỨC mà ra
Thế cho nên, THIÊN ĐẠO đối với TÂM
Cần trực diện, un đúc sức VÔ SINH TRI KIẾN*

30

*Chui kiếm tuệ, đại trượng phu nắm lấy
Bát nhã guom, lóe sáng ánh kim cương
Không những xưa, sàm sở của "đạo ngoài"
Làm vỡ mặt, bợn thiên ma nhểu nháo*

31

*Vang sấm pháp, gióng lên hồi trống pháp
Búa mây từ, mưa sương ngọt nơi nơi
Nhuận vô biên, làm "Long tượng" cho trời người
Hạng ngũ tánh, tam thừa đều nhờ và tỉnh ngộ*

32

*Vùng núi tuyết cỏ phi tươi tốt
Sữa bò thơm sản xuất vị đề hồ
Rất hữu duyên với Phật pháp trên đời
Được thọ dụng, vị đề hồ: chánh pháp
Trong một tánh bao hàm hết thấy tánh*

Một pháp này chứa cả chất pháp kia
Một vàng trắng in bóng khắp sông hồ
Trăng vô số kỳ thực một trăng duy nhất
Pháp thân và tánh ta không khác
Tánh của ta là Phật tánh, Như Lai.

33

Đất một cồi cùng với đất hằng hà sa cồi
Cồi nhất chân, không sắc cũng không tâm
Cồi như nhau, không CỤC LẠC, TA BÀ
Đất một cồi là đất hằng hà sa cồi
Danh văn cú... vốn là danh ngôn giả đặt
Linh giác ta nào có dính dáng chi !
Khảy móng tay, tròn đủ tám vạn pháp môn tu
Trong nháy mắt, dứt sạch A tăng kỳ nghiệp chướng

34

Tâm TĨNH ĐỊNH, có an lành ngay tại chỗ
Chê hay khen, không giận cũng không mừng
Rỗng như hư không lồng lộng sáng trong
Tìm rồi tự hiểu, không chỉ cho ai thấy được

35

Bỏ không được, lấy lại càng không được !
KHÔNG ĐƯỢC gì, là cái ĐƯỢC của kẻ chân tu
Từ xa xưa, đã nhiều kiếp tôi thực hành
Không ăn xối, ở suông, nói ra lời dối mị !

36

Khi im lặng, mấy kẻ biết: đó là đang nói
Lúc nói nhiều, có ai hiểu: chẳng nói gì !
Đúng khi cần, sẽ nói mãi, nói tuôn thao
Không trở ngại, không hề vơi cạn ý
Có người hỏi: Cho biết pháp môn tu chứng
Xin thưa rằng: Ma ha bát nhã là Tông
Việc làm ra, lúc như THỊ lúc như PHI
Khi như thuận, lúc như nghịch, trời còn khó biết !

37

Dựng cờ pháp, lập ra tông chỉ

*Ý của Tào Khê, y lời Phật bảo ban
Sự truyền đăng, Ngài Ca Diếp đứng đầu
Xét lịch đại, hai tám đời sử Tây Thiên ghi rõ
Khi chánh pháp truyền sang Đông Độ
Bồ đề Đạt Ma sơ tổ tông THIÊN
Truyền sáu đời y bát để làm tin
Người đắc đạo đời sau không đếm hết*

38

*CHÂN không thực, lấy chân dẫu để lập ?
VỌNG không CHÂN, tìm vọng ở nơi nao ?
CÓ và KHÔNG, xóa sạch chớ để lòng
CÓ không thật, KHÔNG không hoàn toàn rỗng
Mười sáu món (1) gọi là KHÔNG, không dính dáng
Chư Như Lai cùng chứng thể tịch nhiên này*

39

*TÂM chủ động, nảy sinh nhiều thọ tướng
Gọi là CĂN, vì hay sinh chi mạt quả hoa
PHÁP là sơn lâm, là đại địa giang hà
TRẦN là BỤI, vì chúng có thể làm nhiễm ô tâm tánh
CĂN TRẦN ấy, chỉ là thứ bụi mờ trên kính
Bụi lau rồi, thể gương sáng hiện ra
TÂM vốn KHÔNG, CẢNH vốn TỊCH tự bao giờ
TÂM vắng lặng, CẢNH trở thành CHÂN NHƯ thanh tịnh*

40

*Ôi ! Mạt pháp, cõi đời nhiều trược ác
Những chúng sinh phước mỏng khó dạy răn
Cách Phật lâu xa, tà kiến nặng sâu dần
Chánh pháp yếu, ma quân mạnh gây nhiều oan hại
Nghĩ chánh pháp của Như Lai ĐÓN GIÁO
Tiếc! Chưa được trừ tà kiến vụn nát như ngôi tan!*

41

*Dấy khởi niệm, dữ lành TÂM chủ động
Nghiệp hiện hành, Thân chịu hậu quả kia
Chớ trách ai, đừng đổ lỗi oan khiên nào!
Nghiệp vô gián, muốn tránh xa hãy tu học Như Lai chánh pháp*

42

Rừng cây quý, thuận chiêm đàn không tạp
Sư tử vương, một mình trụ chốn thâm u
Cảnh sơn lâm tịch mịch tự nhàn du
Loài cầm thú tầm thường đành cao bay xa chạy hết.

43

Giống sư tử, sinh ra con, nòi sư tử
Ba tuổi năm, gặm rung chuyển núi rừng xanh
Bầy chó hoang, vờn theo gót đấng Pháp vương
Trăm năm sữa, vẫn là tiếng "gâu gâu" đáng ghét!

44

PHÁP VIÊN ĐÓN, thuyết phải là trực thuyết
Ai hoài nghi, mời tranh luận phân minh
Không tự tôn "thầy núi" để lờ đời
Chấp NHÂN NGÃ dễ rơi vào hố sâu THƯỜNG ĐOẠN

45

Gọi là THI, không tương mạo lấy chi làm chuẩn!
Bảo rằng PHI, không có chuẩn, biết cứ vào đâu?
Ngạn ngữ rằng: "nhân mà sai suyển một ly
Thì quả sẽ, lệnh mục tiêu... vụn dậm"
Dựa nhân quả, quyết định SAI hay ĐÚNG
Nhân tốt lành, hoa quả mới sum sê
Rõ là sai, Thiện Tinh, con Phật đọa A tỳ...
Chắc chắn đúng, Long nữ, chứng Bồ đề trong nháy mắt

46

Trong quá khứ, tôi mang danh nghe nhiều học rộng
Từng dịch kinh, giải luận bấy lâu nay
Phân biệt danh ngôn, nghĩa thú chữa tinh tường
Như Lai quở: chỉ là người đếm bạc
Vào kho bạc, đếm không công vô ích
Cát biển mênh mông, tính số để mà chi !
Hiểu biết suông, lăm học vị có ra gì !
Lặng nặng mãi, chỉ là khách phong trần nổi trôi theo dòng năm tháng

47

Tà chủng tánh, thường hiểu sai chánh giáo

*Pháp ĐÓN VIÊN, Như Lai dạy khó tiếp thu
Kém đạo tâm, tinh tấn tốt, ấy Nhị thừa
Hàng ngoại đạo, thông minh, không trí tuệ
Còn một hạng ngu si ấu trĩ
Nhìn ngón tay, cho đã thấy trăng rồi
Phí công tu, vì hiểu biết quá ngây thơ
Căn và cảnh, họ biết mơ hồ, như người bệnh lòa đôi mắt.*

48

*Bằng Phật nhãn, CẢNH CĂN là huyễn
Đã huyễn rồi, còn thực được nữa sao?
Chánh quán sâu, trong hành trụ... tứ oai nghi
Trong mọi lúc, đó gọi là "Quán tự tại"
Giác là hết, còn chi vay với trả
"Nghiệp" tánh không, tìm hình mạo sao ra?
Chỉ vì mê thấy "có trả có vay"
Ai cho vay nghiệp? Ai là người vay nghiệp*

49

*Đói gập cổ không ăn sao no được!
Bệnh trốn thầy (luong y) mong được lành sao
Sức thiên sâu, ở cõi dục vẫn hành
Sen trong lửa, tốt tươi mới là màu nhiệm!
Thầy Dũng Thí, lỡ phạm vào tội trọng
Giác ngộ rồi, thành Phật có sao đâu!*

50

*Phật thuyết pháp vạch ra đường vô úy
Thật đáng thương cho người tim yếu, óc già suy
Chỉ biết run! Sợ phạm tội, chướng Bồ đề!
Mà không biết, bí quyết Như Lai đã mở...*

51

*Giới dâm sát có hai thầy phạm phải
Ưu Ba Ly, khủng bố xử "đoạn đầu"!
Lòng hoang mang tăng sợ hãi của hai sư
Duy Ma Đại sĩ, trừ nghi sạch như sương tan trong nắng sớm*

52

*Lực giải thoát nghĩ bàn sao cho hết
Cát sông Hằng sánh diệu dụng chưa tà
Thọ cúng dường, chưa đủ để đền ơn
Vàng vạn lượng, còn chưa cân xứng !
Thân dù nát, xương tan như bột
Dâng cúng dường, chưa đủ để đền ơn
Hưởng hồ chi tứ sự bình thường
Nghe chánh pháp dứt sạch vô vàn nghiệp chướng*

53

*Vua các Pháp bậc tối tôn tối thắng
Chư Như Lai đồng chứng địa vị này
Như ý châu tôi vừa phát hiện hôm nay
Ai tin nhận, cùng nhau chung thọ dụng*

54

*Thấy rất rõ không hề có thật vật
Cũng không người, không có Phật Trời chi !
Cõi đại thiên như bọt biển nổi chìm...
Hiện với Thánh như những tia điện nhoáng
Dù vành sắt, niềng đầu mà xoay xác
Trong mọi thời, định tuệ tôi vẫn sáng tròn*

55

*Trăng có nóng ! Mặt trời dù có lạnh !
Lũ ma quân, khôn xuyên tạc chân lý này
Thốt xe voi, đổ dốc tiến lừ lừ
Bầy bọ ngựa, chóng xe sao cho nổi*

56

*Voi vĩ đại, không đi đường ngoằn ngoèo của thỏ
Đại ngộ rồi, không câu chấp những nhỏ nhen
Nhìn trời xanh, qua ống, thấy được bao nhiêu trời ?
Chưa hiểu rõ, tôi sẽ vì chư quân mà chỉ rõ*

